



## Mục lục

---

### NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

---

#### 3 ĐÀO DUY QUÁT:

Học tập và làm theo tư tưởng đổi mới sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới

---

#### 12 TRẦN ANH TUẤN:

Đổi mới tư duy về cải cách hành chính - xây dựng nền hành chính quốc gia đáp ứng yêu cầu hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

---

#### 27 NGUYỄN VIỆT THÔNG

Phòng chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia

---

**34 TRẦN KIM CHUNG:**

**Sử dụng các công cụ kinh tế trong quản lý thị trường bất động sản ở Việt Nam hiện nay**

---

**LÝ LUẬN - THỰC TIỄN**

---

**51 \*\*\***

**Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã ở một số quốc gia trên thế giới và các giá trị tham khảo cho Việt Nam**

---

**THÔNG TIN - TƯ LIỆU**

---

**71 Hội thảo “Vai trò của quân đội trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình hiện nay”**

---



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

# HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI KỲ MỚI

● PGS, TS ĐÀO DUY QUÁT

*Nguyên Phó trưởng Ban Thường trực  
Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương*

**C**hủ tịch Hồ Chí Minh lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, người chiến sỹ xuất sắc trong phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc, Người bạn thân thiết của các dân tộc yêu chuộng hòa bình và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới. Người đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng ta, nhân dân ta và nhân dân thế giới. Tên tuổi và sự nghiệp của người còn mãi với

non sông đất nước ta, sống mãi trong lòng dân tộc ta và trong trái tim nhân loại. Người đã để lại cho Đảng ta, nhân dân ta, các thế hệ hôm nay và mai sau, di sản tinh thần vô giá đó là Tư tưởng Hồ Chí Minh - một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và tấm gương

sáng ngời về đạo đức, phong cách, lối sống. Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, là kim chỉ nam cho hành động của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh là bộ phận cơ bản cấu thành của tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh là linh hồn, giá trị bao trùm các quan điểm toàn diện, sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Do đó học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trước hết cần học tập và làm theo tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh. Tư tưởng đổi mới sáng tạo được hình thành rất sớm khi Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đổi mới trong lựa chọn con đường cứu nước, cứu dân với hướng đi mới phương pháp tiếp cận mới, phương thức hành động mới. Dù rất khâm phục tấm lòng yêu nước, thương dân của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Hoàng Hoa Thám nhưng Người không tán thành con đường Đông Du, cải lương, bạo động... của các bậc sỹ phu đáng kính mà quyết định đi sang phương Tây đến Pháp, Anh, Mỹ và nhiều nước

Châu Âu, Châu Phi để tìm hiểu bản chất của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, tìm hiểu các cuộc cách mạng ở các nước... rồi “về giúp đồng bào mình”.

Bước ngoặt lịch sử trong tiến trình vận động và phát triển tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh là khi Nguyễn Ái Quốc trực tiếp nghiên cứu Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (1920). Sau cuộc gặp gỡ lịch sử này, Nguyễn Ái Quốc từ một người yêu nước trở thành người cộng sản. Từ đây tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh gắn chặt với quá trình tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm của các cuộc cách mạng trên thế giới nhất là Cách mạng Tháng mười Nga, tìm ra con đường cứu nước, cứu dân “Đường cách mệnh” nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đó là đặt sự nghiệp giải phóng dân tộc trong quỹ đạo của cách mạng vô sản, gắn chặt độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Thể hiện đặc biệt quan trọng trong tư tưởng đổi mới Hồ Chí Minh là người đã phát hiện ra quy luật ra đời của Đảng Cộng sản trong xã hội Việt

Nam đầu thế kỷ XX đó là, Đảng Cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp không chỉ chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân mà còn với phong trào yêu nước của dân tộc. Nét độc đáo trong tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh là thể hiện trong việc người tổ chức ra Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Hội tập hợp những thanh niên Việt Nam yêu nước tiêu biểu, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các đồng chí của mình trực tiếp huấn luyện, giáo dục đồng thời gửi nhóm nòng cốt trong Hội sang đào tạo tại Liên Xô. Các thành viên của Hội sau khi được huấn luyện, đào tạo sẽ về nước đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền “Đường cách mạng”, thúc đẩy phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và phong trào yêu nước. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra tờ báo “Thanh Niên”. Báo Thanh Niên là cơ quan ngôn luận và đấu tranh với nhiệm vụ cơ bản là tuyên truyền tôn chỉ và mục đích của Tổng bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Số đầu Báo Thanh Niên xuất bản ngày 21/06/1925, xuất bản đều đặn hàng tuần sau gần 90 số, Báo Thanh Niên đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử truyền bá

chủ nghĩa Mác - Lênin, tuyên truyền “Đường cách mệnh”, kêu gọi nhân dân đoàn kết đấu tranh, góp phần tích cực chuẩn bị về mặt lý luận chính trị tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 03/02/1930. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên - sản phẩm của tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh đã hoàn thành sứ mệnh là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đã thông qua Chính cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng và Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc khởi thảo. Thông qua các văn kiện lịch sử này tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh trong “Đường cách mệnh” đã được cụ thể hóa và chính thức trở thành đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam. Đó là làm “Tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”<sup>1</sup>. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với Đường lối cách mạng đúng đắn, sáng tạo phù hợp với xu hướng tính chất của thời đại mới được mở ra sau thắng lợi của Cách mạng Tháng mười

Nga vĩ đại, sát hợp với thực tiễn và đáp ứng khát vọng độc lập tự do của nhân dân ta nên đã chấm dứt cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước. Từ năm 1930, lịch sử cách mạng Việt Nam đã lựa chọn Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng chính trị duy nhất lãnh đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người mang lại độc lập cho dân tộc, tự do hạnh phúc cho nhân dân. Trong thời kỳ 1930 - 1945, thực hiện cuộc cách mạng tư sản dân quyền đánh đổ đế quốc phong trào giành độc lập hoàn toàn cho dân tộc, tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh đã được thể hiện nổi bật trong những quyết định lịch sử của Hội nghị Trung ương 8, ngày 5/8/1941 do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc triệu tập và trực tiếp chủ trì. Tại hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương đề ra những quyết định có ý nghĩa lịch sử: Tạm thời rút khẩu hiệu phản phong, tập trung cho mục tiêu đánh đổ đế quốc giành độc lập. Thành lập mặt trận dân tộc thống nhất lấy tên là Việt Nam độc lập Đồng minh gọi tắt là mặt trận Việt Minh: “Thực hiện chủ trương liên hợp hết thảy các giới đồng bào yêu nước

không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, trai gái, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị đảng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn. Việt Minh chủ trương tập hợp hết thảy mọi tinh thần độc lập chân chính của giống nòi kết thành một khối cách mạng vô địch, đặng đập tan xiềng xích của Nhật, Pháp, quét sạch mưu mô xảo trá của một nhóm Việt gian phản quốc... Coi quyền lợi của dân tộc cao hơn hết thảy. Việt Minh sẵn sàng giao tay đón tiếp những cá nhân hay đoàn thể không cứ theo chủ nghĩa quốc tế hay quốc gia miễn thành thực muốn đánh đuổi Nhật, Pháp để dựng lên một nước Việt Nam tự do và độc lập”<sup>2</sup>. Ra chủ trương củng cố lực lượng vũ trang khởi nghĩa Bắc Sơn, xây dựng và phát triển các Tiểu tổ du kích, các đội tự vệ, cứu quốc quân.

Ở các đơn vị cơ sở trong cả nước, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 còn đề ra chủ trương tăng cường xây dựng củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức để đạt mục đích yêu cầu thời kỳ này là: “Làm cho Đảng xứng đáng là đội tiên phong có tổ chức của giai cấp Vô sản. Làm cho Đảng thành một Đảng thật quần chúng, có

cơ sở vững vàng trong quần chúng. Thực hiện sự thống nhất toàn Đảng. Thực hiện và tăng cường sự cố kết cách mệnh của các đảng viên. Đoàn kết được hết thảy các lực lượng phản đế, chỉ huy các lực lượng ấy trong cuộc đấu tranh giải phóng sắp tới”<sup>3</sup>.

Thông qua việc thực hiện chủ trương này theo “phương châm tổ chức của Đảng ta lúc này là Rộng rãi, Thực tế và Khoa học”<sup>4</sup>. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng các cấp và của đội ngũ cán bộ đảng viên đã được nâng lên đáp ứng yêu cầu lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Năm 1945 toàn Đảng có 5000 Đảng viên, có hơn một nửa còn trong nhà tù của đế quốc Pháp, nhưng Đảng ta vẫn lãnh đạo cuộc Tổng Khởi Nghĩa Tháng Tám năm 1945 thắng lợi.

Trong giai đoạn 1945-1954, tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh được thể hiện: Nổi bật trong Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp khởi thảo. Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện lịch sử, một văn bản pháp lý quan trọng bậc nhất của nước ta. Bản tuyên ngôn đã lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén cơ sở pháp

lý và cơ sở thực tiễn của Tuyên ngôn Độc lập. Tuyên bố chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Kết thúc vĩnh viễn chế độ Phong kiến ở Việt Nam. Khẳng định mạnh mẽ chủ quyền quốc gia của dân tộc Việt Nam và ý chí đánh thép của toàn thể nhân dân Việt Nam, quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập.

Từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh tiếp tục được thể hiện sâu sắc trong các chủ trương tổ chức cuộc bầu cử tự do đầu tiên để xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Chủ trương phát động phong trào bình dân học vụ để xóa “giặc đói” và phát động phong trào tăng gia, tiết kiệm, Hũ gạo cứu đói để chống “giặc đói”. Tuân lễ vàng để động viên toàn dân xây dựng nền tài chính Quốc gia. Trong chủ trương tiến hành đàm phán với chính phủ Pháp để ký Hiệp định Sơ bộ ngày 6 tháng 3 và Tạm ước 14/09/1946 để tranh thủ thời gian hòa bình mà nỗ lực xây dựng lực lượng để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh được kết tinh trong Đường lối Kháng chiến trường kỳ, trong đường lối Kiến quốc, trong vừa Kháng chiến vừa Kiến quốc. Trong chủ trương vừa đẩy mạnh các chiến dịch đánh địch trên các mặt trận, đến chiến dịch Tây Bắc 1953-1954 thì đồng thời tiến hành mặt trận ngoại giao tại Giơ-ne-vơ... Với phương châm chiến lược toàn dân Kháng chiến, toàn diện Kháng chiến đã tạo ra sức mạnh tổng hợp của Việt Nam chiến thắng thực dân Pháp xâm lược.

Tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh đã phát triển đến một đỉnh cao mới được kết tinh trong đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đường lối cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và Đường lối Kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Từ tìm hiểu quá trình vận động phát triển của tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh trong hơn 60 năm hoạt động cách mạng của Người, chúng ta cần tập trung tìm hiểu tư tưởng Đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh qua bản Di chúc thiêng liêng mà Người để lại cho Đảng ta, cho nhân dân ta, cho nhân dân thế giới, cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Mở đầu bản Di chúc, Bác đã căn dặn ngay sau khi cuộc Kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi, công việc của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man. Người xác định “Đây là việc cần kíp bức xúc để ổn định cuộc sống cho nhân dân” từ chiến tranh sang hoà bình. “Đây là công việc cực kỳ to lớn phức tạp và khó khăn”. Người căn dặn: “Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm. Từ đây chúng ta nhận thức được rằng trong hòa bình xây dựng đất nước, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân phải là nhiệm vụ trọng tâm, là điều kiện, tiền đề của đổi mới, là trọng trách của Đảng ta, Đảng cầm quyền, Lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Cho nên người căn dặn công cuộc đổi mới, bắt đầu từ Đảng, Đảng phải tự xây dựng và chỉnh đốn mình. Lời dặn đầu tiên về Đảng là giữ gìn sự đoàn kết nhất trí trong Đảng từ Trung ương tới chi bộ. Người chỉ rõ mục đích của chỉnh đốn đảng là “làm



cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân”. Người khẳng định: “Làm được như vậy thì dù việc to lớn mấy, khó khăn mấy, chúng ta cũng nhất định thắng lợi”. Điều này là cực kỳ hệ trọng vì Đảng ta là Đảng lãnh đạo, là Đảng cầm quyền. Sự thành bại của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tùy thuộc vào năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Từ đây chúng ta cần nhận thức sâu sắc thước đo quan trọng hàng đầu trong đánh giá cán bộ, đảng viên là toàn tâm toàn ý làm tốt những nhiệm vụ Đảng giao. Để Đảng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, Người căn dặn cán bộ Đảng viên phải ra sức rèn luyện đạo đức cách mạng, tính tiên phong và sự gương mẫu. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, mục tiêu lý tưởng của Đảng, của sự nghiệp cách mạng là: Mọi người đều được sống trong tự do, ấm no hạnh phúc. Do đó Người căn dặn Đảng ta phải có kế hoạch, có cơ chế chính sách để phát triển kinh tế, văn hóa xã hội để không ngừng nâng cao đời sống cho nhân dân, nhất là đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với nước,

giới phụ nữ, rất chú ý quan tâm giáo dục để số chị em tề nạn xã hội hoàn lương. Muốn công cuộc đổi mới thành công, Người căn dặn Đảng ta phải coi trọng lãnh đạo sự nghiệp xây dựng con người mới nhất là giáo dục bồi dưỡng thanh niên là tương lai của dân tộc, là lớp kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng. Tuy không trực tiếp đề cập đến quan niệm đổi mới nhưng trong bản Di chúc thiêng liêng của Người, tư tưởng đổi mới sáng tạo đã thể hiện sáng rõ mục đích, tính chất nội dung phương pháp đổi mới. Chúng ta hoàn toàn sáng tỏ quan niệm về đổi mới, công cuộc đổi mới khi người viết: “Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những cái gì đã cũ kỹ, hư hỏng để tạo ra những cái mới tốt tươi”, về tính chất của đổi mới Người viết: “Cuộc chiến đấu này là một cuộc chiến khổng lồ”, về sức mạnh của đổi mới Người viết: “Với sự tham gia nhập cuộc của khối quần chúng nhân dân đông đảo”. Về lực lượng lãnh đạo đổi mới, Người chỉ rõ trọng trách tập hợp nhân dân phát huy vai trò của nhân dân thuộc về Đảng bằng công tác giáo dục, công tác tổ chức. Đảng phải ra sức dựa vào dân, giữ mối liên hệ mật thiết với dân. Về phương thức lãnh đạo phát

huy sức mạnh của nhân dân, Người khẳng định: “Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”.

Nhìn lại tiến trình hình thành, phát triển của tư tưởng đổi mới sáng tạo Hồ Chí Minh từ khi Người ra đi tìm con đường mới để cứu nước, cứu dân đến trước khi Người đi xa vào thế giới của những người hiền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chuẩn bị cho sự ra đi của mình rất thanh thản, chủ động, sáng suốt và đầy trách nhiệm. Về mặt tư tưởng, bản Di chúc thiêng liêng là kết tinh những giá trị cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta có thể nhận thức sáng tỏ Hệ giá trị đổi mới sáng tạo, là giá trị bao trùm, linh hồn của tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện trên những vấn đề sau:

- Thứ nhất: Quan niệm về đổi mới: là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt. Do vậy, đổi mới là bản chất của cách mạng, của phát triển. Công cuộc đổi mới “là cuộc chiến đấu chống lại những cái gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”<sup>5</sup>.

- Thứ hai: Mục tiêu của đổi mới: Đổi mới phải vì nước vì dân, ích nước, lợi nhà: “Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm, việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh”<sup>6</sup>.

Thứ ba: Tính chất của đổi mới

+ Tính tất yếu của đổi mới: Đổi mới phải xuất phát từ nhu cầu khách quan của thực tiễn. Kết quả đổi mới phải đáp ứng được những vấn đề mà thực tiễn đặt ra.

+ Đổi mới là một quá trình, một sự nghiệp lâu dài, một cuộc đấu tranh phức tạp, khó khăn, gian khổ đòi hỏi phải kiên định, kiên trì, kiên quyết tiến hành đổi mới không ngừng.

+ Tính chất Cách mạng và Khoa học của đổi mới. Phải nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật. Nhận thức đúng bản chất của vấn đề. Có ý chí có năng lực để thay cũ đổi mới.

- Thứ tư: Nguyên tắc, phương châm, phương pháp đổi mới:

Tư duy đổi mới, hành động đổi mới, nói đi đôi với làm, lý luận gắn liền với thực tiễn. Thực tiễn là thước đo hiệu quả một chủ trương đổi mới, một chính sách, một cơ chế đổi mới, một tổ chức đổi mới. Công cuộc đổi mới phải tiến hành toàn diện và đồng bộ.

Hiện nay, chúng ta đang tiến hành đổi mới đồng bộ toàn diện cả chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng an ninh, đối ngoại...

- Thứ năm: Giải quyết tốt mối quan hệ giữa cái cũ và cái mới theo quy luật phủ định biện chứng, kế thừa và phát triển.

+ Có những quan niệm cũ trước đây là đúng nhưng nay đã trở lên lạc hậu, lỗi thời, cản trở phát triển ta dứt khoát phải thay đổi.

+ Có những quan niệm cũ, quan niệm sai làm sai, ta phải sửa sai, nhận thức lại cho đúng và làm đúng.

+ Có cái cũ tốt nay có phần không phù hợp ta kế thừa những giá trị tốt loại bỏ phần lạc hậu lỗi thời.

+ Cái mới khi mới xuất hiện có khi không được nhiều người công nhận,

nhưng ta nhận thức cái mới ra đời có xu hướng phát triển tốt, ta phải bảo vệ, tạo các điều kiện cần thiết cho cái mới phát triển và nhân rộng.

- Thứ 6: Sức mạnh của đổi mới là nhân dân: Cách mạng, sự nghiệp đổi mới là sự nghiệp của nhân dân.

- Thứ 7: Đảng là người lãnh đạo công cuộc đổi mới do đó trước hết Đảng phải tự đổi mới và chỉnh đốn để Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức. Phải không ngừng tự đổi mới để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu nhằm xây dựng đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo, động viên, giáo dục và tổ chức quần chúng thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng XHCN ■

<sup>1</sup> Văn kiện Đảng: *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, tr.2.

<sup>2,3,4</sup> Văn kiện Đảng: *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, tr.461, 206, 207.

<sup>5</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.61.

<sup>6</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.65.

# ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - XÂY DỰNG NỀN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM

● TS TRẦN ANH TUẤN

*Chủ tịch Hiệp hội Khoa học hành chính Việt Nam;  
Phó Chủ nhiệm Hội đồng tư vấn Văn hóa xã hội  
Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,  
Nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ*

## I. Đánh giá chung về cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính quốc gia hơn 35 năm qua

### 1- Những kết quả đã đạt được

- Căn cứ các chủ trương của Đảng về CCHC, Chính phủ đã tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, ban hành Chương trình tổng thể CCHC từng giai đoạn. Sau đó tổng kết, rút kinh nghiệm và đề ra các giải pháp, nội dung cải cách tiếp theo. Thường xuyên theo dõi, đánh giá, xếp loại công tác CCHC, công bố kết quả Chỉ số CCHC, đo lường, xác định Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước...

- Thể chế hành chính được cải cách và thường xuyên sửa đổi, bổ sung phù hợp yêu cầu phát huy dân chủ và cơ chế thị trường định hướng XHCN. Phần lớn các chủ trương quan trọng của Đảng đều được thể chế hóa để thực hiện. Góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, năng động, trách nhiệm, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của người dân, xã hội và sự phát triển của đất nước.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) đã trở thành điểm sáng trong CCHC vừa qua; đã cắt giảm rất nhiều thủ tục liên quan đến kinh

doanh và phục vụ nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử đã chuyển biến mạnh mẽ.

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước đã từng bước được tinh gọn từ Chính phủ tới chính quyền địa phương, cơ bản khắc phục chồng chéo, trùng lặp, bảo đảm ổn định, hiệu lực, hiệu quả; đã phân định hành chính với sự nghiệp và doanh nghiệp để quản lý phù hợp; đẩy mạnh phân công, phân cấp.

- Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC có nhiều đổi mới, như phân định cán bộ với công chức và viên chức; bước đầu xây dựng danh mục vị trí việc làm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cũng được đổi mới và phân cấp; cải cách tiền lương được quan tâm; thực hiện tinh giản biên chế.

- Cải cách tài chính công đã được đổi mới, các cơ quan, đơn vị chủ động trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Các dịch vụ sự nghiệp công phát triển, đem lại lợi ích thiết thực cho người dân, xã hội.

- Hiện đại hóa nền hành chính đã phát triển mạnh mẽ với các chính sách ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và xây dựng hạ tầng kỹ thuật UDCNTT. Văn bản hành chính đi, đến, cùng chữ ký số đã được sử dụng thường xuyên. Trục liên thông văn bản quốc gia, Hạ tầng kỹ thuật ứng dụng CNTT và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia đã xây dựng và từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan. Hướng tới một nền hành chính không giấy tờ, tiết kiệm, hiệu lực, hiệu quả.

## **2- Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân:**

### ***a- Hạn chế, tồn tại:***

- CCHC chưa được thực hiện đồng bộ giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong bộ máy nhà nước và trong hệ thống chính trị.

- Chất lượng cải cách thể chế vẫn còn những bất cập, hạn chế. Tính ổn định và khả năng dự báo trong một số lĩnh vực còn thấp, văn bản pháp luật ban hành thực hiện chưa được lâu thì đã sửa đổi, bổ sung và thay đổi.

- Chưa xác định được nội dung nào trong cải cách hành chính là trọng tâm và tạo động lực mạnh mẽ cải thiện môi trường kinh doanh. Cải cách TTHC chưa thể hiện được tính liên thông và chưa phải là điểm mấu chốt mãi mãi trong cải cách hành chính. Chưa triển khai đầy đủ đánh giá mức độ hài lòng của người dân về chất lượng giải quyết TTHC.

- Việc tinh gọn tổ chức bộ máy chưa hướng tới sự hợp lý, còn mang tính cơ học. Bộ máy hành chính vẫn cần tiếp tục tinh gọn để đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; Phân công, phân cấp chưa đi vào thực chất, còn nhiều biểu hiện “nuốt tiếc” trong quy định về phân cấp (thỏa thuận, thống nhất, xin ý kiến,...)

- Chất lượng CBCC chưa đáp ứng yêu cầu; còn yếu về năng lực, thiếu trách nhiệm; khó vượt qua được cảm dỗ của tham nhũng, tiêu cực; tinh giản biên chế còn hình thức, chưa đưa được người yếu, kém ra khỏi đội ngũ. Cơ chế quản lý CCVC chưa đổi mới kịp với yêu cầu của cải cách hành chính (Chế độ công vụ đã chuyển từ hệ thống chức nghiệp sang hệ thống việc làm).

- Cải cách tài chính công còn nhiều hạn chế. Việc sử dụng ngân sách và vốn đầu tư công còn lãng phí, kém hiệu quả. Chưa đổi mới được cơ chế quản lý, cơ chế tài chính khu vực sự nghiệp công lập. Cải cách chế độ tiền lương dậm chân tại chỗ, chưa thực hiện được nguyên tắc trả lương theo vị trí việc làm.

- Việc xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số và nền hành chính số còn chậm và chưa đồng bộ giữa các bộ, ngành, địa phương. Việc hình thành hệ thống dữ liệu dùng chung chưa đầy đủ, gặp nhiều khó khăn; chưa kết nối, liên thông giữa các phần mềm quản lý chuyên ngành, dữ liệu dùng chung giữa các tổ chức. Hiệu quả cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4 cho người dân, tổ chức chưa cao.

#### ***b- Nguyên nhân:***

- Tư duy, định hướng về cải cách hành chính vẫn đi theo “lối mòn”, chậm được đổi mới và điều chỉnh cho phù hợp với xu thế phát triển, tương thích với những thay đổi và yêu cầu của thực tiễn.

- Chủ trương của Đảng về cải cách hành chính trong tình hình mới chưa

được ban hành một cách hệ thống, đồng bộ;

- Việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước thiếu đồng bộ, chưa đầy đủ như quy định tại Khoản 3 Điều 2 Hiến pháp 2013 về việc “kiểm soát” giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- Giữa hành pháp chính trị với hành chính công vụ còn chồng lấn, chưa được phân định rõ ràng. Việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế còn duy ý chí, hình thức và chưa quan tâm đến tính hợp lý.

- Chưa chú trọng, quan tâm đúng mức đến yếu tố con người (cán bộ, công chức, viên chức) trong cải cách hành chính. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa được thực sự được nâng cao; tinh giản biên chế còn hình thức, chưa đưa được những người yếu, kém ra khỏi đội ngũ.

**II. Đổi mới tư duy, xây dựng nền hành chính quốc gia đáp ứng yêu cầu hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đến năm 2030, định hướng 2045**

**I- Đổi mới tư duy, nhận thức về hành chính và cải cách hành chính:**

*Về cải cách hành chính:*

Cần thống nhất một điều, trong bộ máy Nhà nước, hành chính là hoạt động không chỉ diễn ra trong các cơ quan của Chính phủ và Chính quyền địa phương mà còn diễn ra trong bộ máy của các cơ quan thực hiện quyền lập pháp và tư pháp. Bên cạnh đó, chế độ công vụ của Việt Nam cần phải tiếp tục cải cách và thực hiện đồng bộ trong cả các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị- xã hội.

Do đó, CCHC phải được tiến hành một cách đồng bộ, thống nhất, đầy đủ không chỉ trong tất cả các cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, trong tất cả các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp mà cần thực hiện trong các cơ quan của Đảng và của tổ chức chính trị xã hội. Không có cơ quan, tổ chức nào đứng ngoài cải cách hành chính. Chính phủ phải thực sự là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và xử lý các vấn đề vướng mắc trong nền hành chính quốc gia.

*Về nội dung cải cách hành chính:*

Hiện nay, chúng ta đang thực hiện 6 nội dung của CCHC (thể chế; thủ tục hành chính; tổ chức bộ máy hành



chính nhà nước; chế độ công vụ; tài chính công; xây dựng nền hành chính điện tử, hành chính số) với 3 trọng tâm là thể chế; đội ngũ cán bộ, công chức và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Tuy nhiên, trước bối cảnh và yêu cầu hiện nay, cần tư duy cải cách hành chính theo mục tiêu: Xây dựng một nền hành chính phục vụ, đáp ứng sự hài lòng của người dân với 3 trụ cột và 1 trọng tâm (then chốt). Cụ thể là:

+ Trụ cột thứ nhất: Tổ chức bộ máy: Phải tinh gọn *hợp lý* và hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

+ Trụ cột thứ hai: Chế độ công vụ, công chức: Phải đổi mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo vị trí việc làm; chú trọng thực tài.

+ Trụ cột thứ ba: Hiện đại hóa hoạt động hành chính: Xây dựng nền hành chính điện tử, hành chính số tiến tới nền hành chính không giấy tờ.

Đồng thời với quá trình xây dựng 3 trụ cột này, phải xác định yếu tố **CON NGƯỜI** là trọng tâm, là then chốt của cải cách hành chính. Các nội dung khác như cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tài chính công phải trở thành công việc thường xuyên

trong CCHC.

### 3) *Thông nhất tư duy về tinh gọn tổ chức bộ máy:*

Sắp xếp tổ chức bộ máy cần thống nhất tiếp cận tư duy mấy điểm sau:

- Tinh gọn *nhưng phải hợp lý*, phải bảo đảm hoạt động hiệu quả hơn. “Tinh gọn” không chỉ hiểu đơn thuần là sát nhập, mà còn bao hàm cả việc giải thể, tổ chức lại. Tránh sáp nhập cơ học và duy ý chí, không để tình trạng nhập vào rồi lại tách ra.

- Sự tương đồng hay không tương đồng về chức năng, nhiệm vụ giữa các tổ chức không phải là căn cứ sáp nhập. Vấn đề quan trọng là phải hợp lý, hiệu quả và *chỉ sáp nhập các tổ chức với điều kiện phải hoạt động theo cùng một hệ quy chiếu*. Nói cách khác, các tổ chức phải cùng hoạt động theo quy định của Điều lệ hoặc của Pháp luật thì mới có thể sáp nhập vào với nhau.

- Không lấy biên chế làm tiêu chí để thành lập tổ chức. Việc thành lập tổ chức cần phải căn cứ vào các tiêu chí: chức năng, nhiệm vụ; đối tượng quản lý; phạm vi hoạt động,... Khi có tổ chức với chức năng, nhiệm vụ cụ thể mới xây dựng Khung Danh mục vị trí việc làm. Căn cứ Danh mục vị



trí việc làm mới tiến hành xác định được biên chế. Chưa có tổ chức thì không thể xác định được các vị trí việc làm, nói gì đến biên chế. Do đó, nên bỏ tư duy theo hướng lấy biên chế làm tiêu chí trong quy định căn cứ thành lập tổ chức.

- Quản lý theo vị trí việc làm thì không có khái niệm biên chế tối thiểu và biên chế tối đa. Biên chế luôn luôn là một hằng số, và chỉ có thể được xác định căn cứ vào vị trí việc làm và cách thức tổ chức hoạt động.

#### **4) Cần nhận thức và hiểu rõ về vị trí việc làm và quản lý biên chế:**

Trong chế độ công vụ việc làm thì Danh mục vị trí việc làm là gốc, biên chế là ngọn. Có Vị trí việc làm mới tính toán được số biên chế cần thiết. Do đó, cần đổi mới cách thức quản lý vị trí việc làm và biên chế. Trong đó, Chính phủ phải thống nhất quản lý Danh mục vị trí việc làm. Còn biên chế nên phân cấp cho địa phương để phát huy tính tự quản của chính quyền địa phương. Bên cạnh đó cần chú ý:

a- Vị trí việc làm:

+ Chính phủ cần phải quy định phương pháp xác định vị trí việc làm để thực hiện thống nhất giữa các Bộ,

ngành và địa phương. (*Hiện nay, Chính phủ không có văn bản nào quy định phương pháp xác định vị trí việc làm, mỗi nơi làm một kiểu*).

+ Vị trí việc làm phải được quản lý thống nhất và theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm nguyên tắc: các tổ chức có chức năng, nhiệm vụ như nhau thuộc các Bộ ngành và địa phương khác nhau thì Khung danh mục vị trí việc làm phải giống nhau, nghĩa là phải cùng chung danh mục vị trí việc làm. (*Hiện nay, có một bất hợp lý là Chính phủ phân cấp và giao cho các Bộ, ngành và địa phương tự xác định vị trí việc làm, tự thẩm định và tự phê duyệt vị trí việc làm của mình. Dẫn đến vị trí việc làm không được quản lý thống nhất*).

b- Biên chế và quản lý biên chế:

- Nên phân cấp quản lý biên chế và đổi mới cơ chế quản lý biên chế như sau:

+ Biên chế ở các cơ quan Trung ương cần phải quản lý thống nhất và do một cơ quan quyết định.

+ Biên chế các địa phương cần phân cấp để phát huy tính tự quản, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Cụ thể là:

(1) *Biên chế của Bộ máy Nhà nước ở Trung ương do Chính phủ trình Quốc hội quyết định (gồm Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Chính phủ, Viện KSND, Tòa án ND);*

(2) *Biên chế các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể do Ban TCTW trình Ban Bí thư quyết định;*

(3) *Biên chế của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

- Thay đổi tư duy về giao và phân bổ kinh phí: Cấp có thẩm quyền không giao kinh phí cho các đơn vị, tổ chức theo số lượng biên chế được phê duyệt mà *chuyển sang giao kinh phí theo nhiệm vụ* và kế hoạch công việc được giao hàng năm.

- Về tinh giản biên chế, cần thực hiện đúng với tư tưởng và các nhiệm vụ, giải pháp đã quy định tại Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế với mục đích nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCC, đưa những người không làm được việc ra khỏi đội ngũ để tuyển dụng những người làm được việc vào công vụ.

**5) Về phân quyền, phân cấp và vấn đề nhân tài:**

- Cần đổi mới tư duy về phân quyền và phân cấp, ủy quyền trong bộ máy nhà nước theo hướng: Cái gì giao hẳn cho địa phương quyết định thì gọi là phân quyền; những việc Trung ương thấy không cần quản lý thống nhất hoặc xuất phát từ đặc thù của địa phương thì nên phân quyền cho địa phương (đưa vào Luật); một việc mà Trung ương và địa phương cùng làm thì cũng phân cấp cho địa phương; Các cơ quan ở Trung ương như Chính phủ, các Bộ, ngành hoặc chính quyền địa phương cấp tỉnh được Luật giao thẩm quyền thì có thể phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp dưới thực hiện. Phân cấp chỉ thực hiện trong bộ máy hành chính từ Trung ương đến địa phương; không thực hiện phân cấp quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp.

- Cần phân định rõ nội dung của hành pháp chính trị với hành chính công vụ. Để từ đó, chỉ thực hiện phân cấp trong lĩnh vực hành chính công vụ. Còn hành pháp chính trị thì không phân cấp, giống như lập pháp của Quốc Hội không thể phân cấp, tương tự tư pháp (xét xử) cũng thế. Việc phân cấp chỉ thực hiện trong hệ

thống bộ máy các cơ quan Hành chính Nhà nước nhưng phải bảo đảm sự quản lý thống nhất của Chính phủ và lưu ý rằng không phải việc gì cũng phân cấp.

- Vấn đề tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập cần thay đổi tư duy theo hướng: xây dựng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho tất cả các đơn vị sự nghiệp, dù nguồn tài chính được cấp từ NSNN hoặc có từ nguồn thu sự nghiệp. Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các đơn vị sự nghiệp phải gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao hàng năm.

- Đổi mới công tác cán bộ, lựa chọn người giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ngoài việc tuân thủ nguyên tắc: Đảng lãnh đạo; phát huy dân chủ ở cơ sở. Phải lựa chọn được người xứng đáng có cả đức và tài, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm (chức danh lãnh đạo, quản lý). Lấy Đức làm gốc, làm căn bản, coi trọng tiêu chí Liêm chính, Trách nhiệm, Tự trọng trong phạm trù Đức; Còn Tài cần chú ý nhất việc quy tụ, đoàn kết, làm việc hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Không làm được việc phải bố trí người khác

thay, không để “ôm ghế”. Phòng chống tình trạng chủ quan, duy ý chí, áp đặt, tiêu cực. Người tiến cử, người giới thiệu phải chịu trách nhiệm về việc tiến cử, giới thiệu của mình. Không lấy tuổi làm điều kiện lựa chọn cán bộ mà lấy uy tín, sức khỏe, liêm chính, hiệu quả công việc làm căn cứ để lựa chọn, giới thiệu cán bộ.

- Chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài phải nhận thức, tư duy lại, đó là:

+ Nhân tài phải được xác định với các tiêu chí cụ thể. Phải xác định được các tiêu chí để nhận dạng nhân tài thì mới thực hiện được chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài. Cần có cái nhìn biện chứng trong từng lĩnh vực về nhân tài. Nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật, thể thao khác với nhân tài trong lĩnh vực chính trị, lãnh đạo, quản lý.

+ Tư duy về nhân tài không chỉ thuần túy và hạn chế trong việc tìm từ nguồn nhân lực trẻ, mà cần phải tìm cả trong những người tuổi cao hoặc trung niên. Không lấy bằng cấp, học vị, độ tuổi làm tiêu chuẩn xác định nhân tài.

+ Việc sử dụng, trọng dụng nhân tài cần đổi mới theo nguyên tắc bình đẳng, thực tài: Không phân biệt độ tuổi; già trẻ; giới tính; dân tộc; vùng miền, đồng hương trong tuyển dụng, bầu cử, bổ nhiệm, trọng dụng, quy hoạch. Cứ làm được việc và có tâm vô tư trong sáng thì đều được dùng. Kiên quyết thay thế ngay nhân sự không làm được việc hoặc bè phái, mất đoàn kết, tiêu cực, những nhiều. Xử lý trách nhiệm người tiến cử không đúng người.

## 2. Mục tiêu, quan điểm cải cách hành chính đến 2030, định hướng đến 2045

1- Mục tiêu: Xây dựng nền hành chính dân chủ, kỷ cương, hiện đại, công khai, phục vụ nhân dân với chế độ công vụ thống nhất, trách nhiệm, liêm chính, văn hóa, thực tài.

Quan điểm:

- Thực hiện đúng chủ trương của Đảng về đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện, đồng bộ, có trọng

tâm, thiết thực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN.

- Nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp ủy và tổ chức Đảng, trách nhiệm tham gia của Mặt trận TQVN và các tổ chức chính trị xã hội, nhân dân.

- Thống nhất về nhận thức và quyết tâm tiếp tục thực hiện cải cách hành chính trong các cơ quan Nhà nước, trong đội ngũ CBCCVN, nhân dân và toàn xã hội.

- Lấy yếu tố con người (đội ngũ CBCCVN) là trọng tâm, là then chốt của cải cách hành chính với 3 trụ cột: tổ chức bộ máy; công vụ, công chức; hiện đại hóa hoạt động hành chính.

- CCHC được tiến hành đồng bộ trong các cơ quan hành chính của Đảng, Nhà nước (gồm cả trung ương và chính quyền địa phương), đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội.

- Gắn CCHC với việc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và phòng, chống

**Mục tiêu, quan điểm cải cách hành chính đến 2030, định hướng đến 2045: Xây dựng nền hành chính dân chủ, kỷ cương, hiện đại, công khai, phục vụ nhân dân với chế độ công vụ thống nhất, trách nhiệm, liêm chính, văn hóa, thực tài.**

tự diễn biến, tự chuyển hóa.

### 3. Các nội dung cải cách hành chính từ nay đến 2030:

Xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân, đáp ứng sự hài lòng của người dân với **3 trụ cột**. Trong đó, yếu tố con người (đội ngũ CBCCVN) là trọng tâm và là then chốt của CCHC. Các nội dung cải cách khác như: thể chế; thủ tục hành chính; tài chính công phải trở thành các công việc mang tính thường xuyên của CCHC.

**1) Trụ cột thứ nhất**- Tổ chức bộ máy:

- Xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính và phục vụ nhân dân với bộ máy tinh gọn hợp lý, tránh sáp nhập cơ học, duy ý chí. Tiếp tục tổ chức các Bộ đa ngành, đa lĩnh vực, tập trung vào chức năng hoạch định, xây dựng chính sách và thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm thuộc lĩnh vực quản lý; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền.

- Đổi mới tổ chức chính quyền địa phương theo hướng: Đô thị 1 cấp chính quyền; Nông thôn 2 cấp chính quyền (*Không tổ chức HĐND ở quận, huyện, phường*). Đô thị thuộc cấp tỉnh tổ chức 1 cấp chính quyền. UBND

Quận, Huyện, Phường là cơ quan hành chính, hoạt động theo chế độ Thủ trưởng.

- Tiếp tục sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã. Nghiên cứu sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh theo chỉ đạo của Trung ương.

- Mở rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm sang toàn bộ hệ thống các tổ chức sự nghiệp công lập (không phân biệt do ngân sách nhà nước cấp hoặc do nguồn thu sự nghiệp).

- Tiếp tục thực hiện chuyển giao một số dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm.

- Rà soát, đẩy mạnh phân cấp cho địa phương theo nguyên tắc: bảo đảm quản lý thống nhất của Trung ương và phát huy tính tự quản của chính quyền địa phương.

- Gắn quyền hạn với trách nhiệm, ai được giao quyền hạn đến đâu thì quyết đến đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Rà soát, bãi bỏ các quy định về việc thỏa thuận, thống nhất, xin ý kiến (trừ các vấn đề có tính liên ngành).

- Đổi mới quản lý vị trí việc làm và biên chế theo hướng:

+ Chính phủ thống nhất quản lý và ban hành Danh mục vị trí việc làm;

+ Chính phủ quy định, hướng dẫn phương pháp xác định vị trí việc làm và thực hiện theo nguyên tắc: các cơ quan, tổ chức thuộc các Bộ, ngành, địa phương có cùng chức năng, nhiệm vụ thì phải cùng một Danh mục vị trí việc làm.

+ Chính phủ tổng hợp trình Quốc hội xem xét, quyết định biên chế công chức trong bộ máy hành chính ở các cơ quan nhà nước ở trung ương (gồm Văn phòng Chủ tịch nước, Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước).

+ Giao quyền quyết định biên chế cho chính quyền địa phương cấp tỉnh.

+ Ban Tổ chức Trung ương trình Ban Bí thư quyết định biên chế các cơ quan Đảng, đoàn thể. (sau này có thể phân cấp cho cấp ủy ở địa phương).

+ Tiếp tục tinh giản biên chế theo đúng Nghị quyết 39 của Bộ Chính Trị.

**2) Trụ cột thứ hai-** Đổi mới chế độ công vụ, lấy con người là then chốt: Xây dựng một nền công vụ thống

nhất, văn hóa, trách nhiệm, liêm chính, năng động, thực tài. Gồm các nội dung:

- Thống nhất chế độ công vụ từ Trung ương đến cấp xã, không phân biệt CBCCC cấp xã với CBCCC từ cấp huyện trở lên.

- Đổi mới cơ chế lựa chọn, bầu cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm, sử dụng, luân chuyển và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý theo chủ trương của Đảng.

- Nghiên cứu hoàn thiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại:

+ Sơ kết hoặc tổng kết các quy định về công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm lãnh đạo, quản lý.

+ Ban hành mới Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm cấp phó thực hiện theo nguyên tắc: cấp trưởng được lựa chọn cấp phó; cấp trưởng khuyết hoặc nghỉ thì người được bổ nhiệm thay thế sẽ xem xét, kiện toàn và bổ nhiệm, miễn nhiệm các cấp phó của mình. Cấp ủy Đảng có thẩm quyền và trách nhiệm xem xét hồ sơ, lý lịch, đơn thư tố cáo (nếu có), rà soát quy hoạch, tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, sau khi thảo luận phải có chính kiến (bằng văn bản) để cấp trưởng xem xét, cân nhắc (nếu có) trước khi

bổ nhiệm và cấp trưởng phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình (không đẩy trách nhiệm cho tập thể).

+ Khi hết thời hạn bổ nhiệm, phải xem xét bổ nhiệm lại. Nếu không bổ nhiệm lại thì đương nhiên không còn chức vụ.

+ Ban hành và thực hiện Quy chế từ chức đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý; cán bộ, công chức đã từ chức, nếu thời gian tiếp theo cơ quan có nhu cầu, vẫn đủ năng lực, phẩm chất, tiêu chuẩn, điều kiện thì vẫn được đề nghị và xem xét bổ nhiệm.

+ Quy định một số chức danh người đứng đầu không phải người địa phương- tiêu chí “người địa phương” xác định theo quê quán đã ghi trong lý lịch Đảng.

- Đối mới cơ chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý CCVC đồng bộ *theo vị trí việc làm*, bao gồm các giải pháp sau:

+ Thực hiện tuyển dụng theo vị trí việc làm; gắn thẩm quyền tuyển dụng với thẩm quyền sử dụng, theo nguyên tắc: “ai dùng người đó tuyển và chịu trách nhiệm về chất lượng”. Bỏ cách thức cơ quan cấp trên tuyển dụng rồi phân bổ về cho các cơ quan cấp dưới

sử dụng. Theo nguyên tắc này, Nhà nước chịu trách nhiệm ban hành các quy định về chế độ tuyển dụng và mặt bằng chung về chất lượng công chức.

+ Thực hiện chế độ tuyển dụng lâu dài kết hợp với chế độ công chức hợp đồng theo hướng tăng dần tỷ lệ công chức hợp đồng trong các cơ quan; thực hiện chế độ hợp đồng chuyên gia có thời hạn.

+ Ban hành chế độ và chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng đối với người có thực tài; chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thực hiện liên thông nguồn nhân lực giữa khu vực tư với khu vực công.

+ Bãi bỏ chế độ tập sự và thi nâng ngạch: Tuyển dụng theo vị trí việc làm thì người được tuyển dụng hay ký hợp đồng lao động đều không phải thực hiện tập sự; làm việc ở vị trí nào thì bổ nhiệm vào chức danh ứng với vị trí đó. Do mỗi vị trí việc làm chỉ có một ngạch, không thể một vị trí lại có nhiều ngạch. Vì vậy, cần thiết bỏ thi nâng ngạch. Làm việc ở vị trí việc làm nào thì bổ nhiệm vào ngạch (hoặc chức danh) công chức ứng với vị trí việc làm đó.

+ Cải cách chế độ tiền lương theo



hướng: trả lương theo vị trí việc làm- mỗi vị trí việc làm chỉ có một ngạch (hoặc một chức danh) ứng với một mức lương. Được bố trí vào vị trí việc làm nào thì hưởng lương ở vị trí việc làm đó. Không thực hiện nâng lương theo thâm niên mà thực hiện hưởng phụ cấp thâm niên hàng năm.

+ Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Đào tạo, bồi dưỡng theo nhu cầu và gắn với vị trí việc làm: khi được bầu cử hoặc tuyển dụng thì người được trúng cử hoặc trúng tuyển phải qua khóa bồi dưỡng, huấn luyện các kỹ năng hành chính. Quá trình làm việc nếu yếu hoặc thiếu kỹ năng gì thì đăng ký bồi dưỡng kỹ năng đó.

+ Ban hành, thực hiện và kiểm tra quy chế Văn hóa công vụ trong tất cả các cơ quan hành chính từ Trung ương đến xã, phường, thị trấn.

+ Thực hiện chế độ sát hạch bắt buộc 2- 3 năm một lần đối với công chức. Nếu không đạt yêu cầu thì bố trí công tác khác hoặc đưa vào diện tinh giản biên chế.

**3) Trụ cột thứ ba-** Hiện đại hóa hoạt động hành chính gồm các nội dung sau:

- Hoàn thiện thể chế tạo cơ sở pháp

lý và xây dựng cơ sở dữ liệu nền tảng phục vụ phát triển Chính phủ điện tử và Chính quyền điện tử. Thực hiện Chiến lược chuyển đổi số quốc gia. Thực hiện đầu tư tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin các Bộ ngành, địa phương; chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng điện toán đám mây.

- Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào quản lý hoạt động công vụ, cung cấp dịch vụ công cũng như quản lý nhà nước các ngành, lĩnh vực.

- Tái cấu trúc quy trình, thủ tục hành chính để xây dựng, số hóa, hoàn thiện, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Hệ thống thông tin điện tử và Cổng dịch vụ công từ cấp Bộ, cấp tỉnh được kết nối với nhau, được chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Xây dựng triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin Bộ, ngành, địa phương và của quốc gia.

- Tiếp tục phát triển các ứng dụng dịch vụ phục vụ người dân qua hệ thống thông tin một cửa điện tử và



Công dịch vụ công,.... Có kế hoạch triển khai từng bước chuyển sang nền hành chính số và tiếp cận nền hành chính phi giấy tờ.

#### **4. Định hướng cải cách hành chính đến năm 2045**

**1)- Cải cách thể chế:** Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống thể chế; Nâng cao chất lượng và tiến độ xây dựng pháp luật.

**2)- Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:**

- Nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức Chính phủ phù hợp với tiến trình chuyển đổi số, đẩy mạnh phân cấp, phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý, điều tiết kinh tế thị trường định hướng XHCN.

- Tổ chức thành lập các cơ quan độc lập có chức năng thực thi pháp luật trên một số lĩnh vực, tách chức năng thực thi pháp luật khỏi các Bộ.

- Hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương ở đô thị, ở nông thôn, ở hải đảo và đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt.

- Tiếp tục chuyển giao một số việc để khu vực tư thực hiện. Chuyển một số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công sang mô hình doanh nghiệp- công ty cổ

phần.

**3)- Tiếp tục đổi mới và phát triển chế độ công vụ theo các nội dung:**

- Tiếp tục hoàn thiện Khung danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan của các Bộ, ngành, địa phương theo từng cơ quan, tổ chức, đơn vị để quản lý thống nhất.

- Hoàn thiện, đổi mới tuyển dụng, sử dụng và quản lý CCVC theo VTVL.

- Đẩy mạnh thực hiện chế độ công chức hợp đồng trong các cơ quan hành chính Nhà nước.

- Quy định các chính sách liên quan đến việc phát hiện, tuyển chọn, tiến cử, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ người có tài năng trong hoạt động công vụ.

- Hoàn thiện các quy định về văn hóa công sở, văn hóa công vụ.

- Thực hiện chế độ tiến cử, giới thiệu những người có tài năng để tuyển dụng, bổ nhiệm trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị xã hội. Người tiến cử chịu trách nhiệm.

- Hoàn thiện cơ chế trả lương theo vị trí việc làm.

**4)- Tiếp tục hiện đại hóa hoạt động hành chính**

- Triển khai xây dựng nền hành chính phi giấy tờ. Phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu chuyển từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số.

- Tiếp tục duy trì và phát triển nền tảng số, dữ liệu số, hệ thống dữ liệu phục vụ nhu cầu chuyển từ Chính phủ điện tử sang Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương.

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các bộ, ngành, địa phương.

- Tổ chức khai thác, vận hành kho dữ liệu tổng hợp, sử dụng các công nghệ BigData, AI để quản lý, phân tích, cung cấp thông tin hỗ trợ ra quyết định cho các cấp lãnh đạo.

- Phát triển hệ thống dữ liệu nội bộ giữa các bộ, ngành, địa phương để tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, công dân, các tổ chức xã hội.

- Xây dựng kho dữ liệu lưu trữ, dữ liệu điện tử; cung cấp dịch vụ dữ liệu, dịch vụ gia tăng trên các cơ sở

dữ liệu hướng tới phục vụ người dân và tổ chức khai thác cơ sở dữ liệu có tính phí.

- Tiếp tục phát triển hệ thống tích hợp Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử để cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

### **5. Kiến nghị:**

1) Đề xuất BCH Trung ương Đảng ban hành một Nghị quyết mới về CCHC đáp ứng yêu cầu hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Có thể ban hành một Nghị quyết riêng về CCHC. Hoặc ghép vào Nghị quyết về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN.

2) Căn cứ Nghị quyết của Đảng về tiếp tục cải cách hành chính, đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, Quốc hội cần ban hành Nghị quyết về CCHC nhà nước, xây dựng nền hành chính quốc gia từ nay đến 2030 và định hướng đến 2045.

3) Trên cơ sở Nghị quyết của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ nghiên cứu, rà soát, ban hành Nghị quyết sửa đổi hoặc thay thế Nghị quyết số 76/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình tổng thể CCHC nhà

# PHÒNG CHỐNG “TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYỂN HÓA”

## GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

### 1. Nhận thức rõ nội dung bảo vệ an ninh quốc gia

Chúng ta đều biết: An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. An ninh quốc gia bao gồm an ninh trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa, xã hội, quốc phòng, đối ngoại... trong đó an ninh chính trị là cốt lõi, xuyên suốt.

Có thể khái quát bảo vệ an ninh quốc gia có các nội dung chủ yếu sau:

- Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ. Đó là các hoạt động bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ Đảng Cộng sản Việt Nam; giữ gìn sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt các tổ chức của Đảng, Nhà

nước; bảo vệ các cơ quan đại diện, cán bộ, lưu học sinh và người lao động Việt Nam đang công tác, học tập và lao động ở nước ngoài. Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá hệ thống chính trị, gây chia rẽ mất đoàn kết, làm tha hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ luôn là nhiệm vụ trọng yếu hàng đầu, thường xuyên và cấp bách của toàn Đảng, toàn dân, của các ngành, các cấp.

- Bảo vệ an ninh kinh tế. Đó là bảo vệ sự ổn định, phát triển vững mạnh của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chống các biểu hiện lệch hướng và các hoạt động phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phá hoại nền kinh tế, gây ảnh hưởng tác hại đến lợi ích của quốc gia - dân tộc. Bảo vệ đội ngũ cán bộ quản lý

kinh tế, các nhà khoa học, các nhà kinh doanh không để nước ngoài lôi kéo mua chuộc gây tổn thất hoặc làm chuyển hướng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Bảo vệ an ninh văn hóa, tư tưởng. An ninh văn hóa, tư tưởng là sự ổn định và phát triển bền vững của văn hóa, tư tưởng trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Bảo vệ an ninh văn hóa, tư tưởng là bảo vệ sự đúng đắn, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong đời sống tinh thần của xã hội; bảo vệ những giá trị đạo đức truyền thống, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ đội ngũ văn nghệ sĩ, những người làm công tác văn hóa, văn nghệ. Đấu tranh chống lại sự công kích, bôi nhọ, nói xấu của các thế lực thù địch đối với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, ngăn chặn các hoạt động truyền bá văn hóa phẩm phản động, đồi trụy, thiếu lành mạnh, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam.

- Bảo vệ an ninh dân tộc. Đó là bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc, đảm bảo cho tất cả các thành viên trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam cùng phát triển theo đúng Hiến pháp, pháp luật

của nhà nước; ngăn ngừa, phát triển, đấu tranh với các hoạt động lợi dụng dân tộc ít người để làm việc trái pháp luật, kích động gây chia rẽ giữa các dân tộc, xâm hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

- Bảo vệ an ninh tôn giáo. Bảo vệ an ninh tôn giáo là đảm bảo chính sách tự do tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước đối với nhân dân nhưng đồng thời cũng kiên quyết đấu tranh với các đối tượng, thế lực lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá.

- Đấu tranh phòng, chống tội phạm là việc tiến hành các biện pháp loại trừ nguyên nhân, điều kiện của tội phạm; phát hiện để ngăn chặn kịp thời các hành vi phạm tội, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả, tác hại do tội phạm gây ra cho xã hội; điều tra khám phá tội phạm và người phạm tội để đưa ra xử lý trước pháp luật đảm bảo đúng người, đúng tội; giáo dục, cải tạo người phạm tội giúp họ nhận thức được lỗi lầm và cố gắng cải tạo tốt; có thể tái hòa nhập cộng đồng xã hội, trở thành người lương thiện, sống có ích cho xã hội.

- Giữ gìn trật tự nơi công cộng. Giữ gìn trật tự nơi công cộng chính là giữ gìn trật tự, yên tĩnh chung, giữ gìn vệ sinh

chung, duy trì nếp sống văn minh ở những nơi công cộng - nơi diễn ra các hoạt động chung của nhiều người, đảm bảo sự tôn trọng lẫn nhau trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi của con người.

- Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông là đảm bảo cho hoạt động giao thông thông suốt, có trật tự, an toàn, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn giao thông gây thiệt hại về người và tài sản.

## **2. Nhận diện biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”**

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đã chỉ ra 9 biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Ban Tổ chức Trung ương đã cụ thể thành 23 biểu hiện cụ thể:

(1) Phán bác, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các nguyên tắc tổ chức của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ.

(2) Đòi thực hiện “đa nguyên, đa đảng”.

(3) Phán bác, phủ nhận nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

(4) Đòi thực hiện thể chế “tam quyền phân lập”, phát triển “xã hội dân sự”.

(5) Phủ nhận nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chế độ sở hữu toàn dân về đất đai.

(6) Nói, viết, làm trái quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

(7) Hạ thấp, phủ nhận những thành quả cách mạng; thổi phồng khuyết điểm của Đảng, Nhà nước.

(8) Xuyên tạc lịch sử, bịa đặt, vu cáo các lãnh tụ tiền bối và lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

(9) Kích động tư tưởng bất mãn, bất đồng chính kiến, chống đối trong nội bộ.

(10) Lợi dụng và sử dụng các phương tiện thông tin, truyền thông, mạng xã hội để nói xấu, bôi nhọ, hạ thấp uy tín, vai trò lãnh đạo của Đảng, gây chia rẽ nội bộ, nghi ngờ trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

(11) Phủ nhận vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang; đòi “phi chính trị hóa” quân đội và công an.

(12) Xuyên tạc đường lối quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

(13) Chia rẽ quân đội với công an;

chia rẽ nhân dân với quân đội và công an.

(14) Móc nối, cấu kết với các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị để truyền bá tư tưởng, quan điểm đối lập.

(15) Vận động, tổ chức, tập hợp lực lượng để chống phá Đảng và Nhà nước.

(16) Đưa thông tin sai lệch, xuyên tạc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

(17) Thông tin phiến diện, một chiều về tình hình quốc tế, gây bất lợi trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước.

(18) Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với báo chí, văn học - nghệ thuật.

(19) Tác động, lôi kéo, lái dư luận xã hội không theo đường lối của Đảng.

(20) Cổ súy cho quan điểm, tư tưởng dân chủ cực đoan; thổi phồng mặt trái của xã hội.

(21) Sáng tác, quảng bá những tác phẩm văn hóa, nghệ thuật lệch lạc, bóp méo lịch sử, hạ thấp uy tín của Đảng.

(22) Có tư tưởng dân tộc hẹp hòi, tôn giáo cực đoan.

(23) Lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền”, dân tộc, tôn giáo để gây chia rẽ nội bộ, gây chia rẽ giữa các dân tộc, giữa

các tôn giáo, giữa dân tộc và tôn giáo, giữa các dân tộc, tôn giáo với Đảng và Nhà nước.

Việc đưa ra 9 biểu hiện, được cụ thể thành 27 biểu hiện cụ thể nêu trên là một bước tiến về lý luận. Ban Tổ chức Trung ương đã cụ thể thành 82 biểu hiện cụ thể. Trong 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, đã nhận diện những đảng viên có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và đã tiến hành kỷ luật 1.722 đảng viên.

Kết luận số 21-KL/TW của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII chỉ rõ: “Nhận thức, trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được nâng lên; nhận diện sâu sắc, đầy đủ hơn các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; đẩy mạnh tự phê bình và phê bình; kết hợp hài hoà giữa “xây” và “chống”. Nhiều tấm gương điển hình, tiên tiến được nhân rộng, lan toả trong đời sống xã hội, đồng thời xử lý kịp thời, nghiêm minh, khách quan những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và xã hội, có tác dụng cảnh báo, răn đe, phòng ngừa chung. Huy động được sức mạnh tổng

hợp của hệ thống chính trị và sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”<sup>1</sup>.

Kết luận số 21-KL/TW cũng chỉ rõ: Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 vẫn còn hạn chế, khuyết điểm. Kết luận chỉ rõ: “Nguyên nhân chủ yếu của hạn chế, khuyết điểm là do một số cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu chưa nhận diện đầy đủ mức độ suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” tại địa phương, cơ quan, đơn vị mình; chưa quyết tâm và có biện pháp chỉ đạo đủ mạnh, còn thụ động, trông chờ vào sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên; không thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chưa gương mẫu, mất đoàn kết nội bộ, chưa thẳng thắn đấu tranh với những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, thậm chí còn cục bộ, lợi ích nhóm, bị cám dỗ bởi lợi ích vật chất, thờ ơ, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của nhân dân”<sup>2</sup>.

Quy định số 37-QĐ/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không

được làm đã chỉ rõ những điều đảng viên, trong đó có những điều thuộc “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, nổi bật là các điều sau đây:

Điều 1. Nói, viết, làm trái hoặc không thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quy chế, quyết định của Đảng; làm những việc mà pháp luật không cho phép.

Điều 2. Không chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; tự ứng cử, nhận đề cử và đề cử các chức danh của tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền cho phép.

Điều 3. Phản bác, phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; không thực hiện trách nhiệm nêu gương; chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, vụ lợi; “tư duy nhiệm kỳ”, đoàn kết xuôi chiều, dân chủ hình thức, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh; độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, xa rời quần chúng.

Điều 4. Cung cấp, để lộ, làm mất hoặc viết bài, đăng những thông tin, tài liệu bí mật của Đảng và Nhà nước hoặc





*Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII  
Ảnh: TL*

những việc chưa được phép công bố; tàng trữ, tuyên truyền, tán phát hoặc xúi giục người khác tuyên truyền, tán phát thông tin, tài liệu dưới mọi hình thức để truyền bá những thông tin, quan điểm trái với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 5. Viết bài hoặc cung cấp tài liệu cho người khác viết, nói, cho đăng tải tin, bài sai sự thật, không đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định. Sáng tác, sản xuất, tàng trữ, tán phát các tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật không lành mạnh, trái thuần phong mỹ

tục Việt Nam, mang tính kích động gây ảnh hưởng xấu trong xã hội; tán phát bài viết, bài nói, phỏng vấn, hồi ký, phim, ảnh không đúng quy định.

### **3. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc**

Ngày 05/9/2019, Bộ Chính trị khóa XIII ban hành Nghị quyết số 51-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia. Chiến lược đã xác định mục tiêu tổng quát bảo vệ an ninh quốc gia là bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng,



lợi ích quốc gia - dân tộc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ nền văn hóa dân tộc; đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, làm giảm tội phạm và vi phạm pháp luật; bảo đảm an ninh, an toàn và từng bước xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, lành mạnh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chiến lược đã xác định nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới, trong đó chỉ rõ: Cấp ủy, chính quyền các cấp hàng năm xây dựng kế hoạch, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, giám sát, xử lý kịp thời những nhân tố có thể dẫn tới mất an ninh, trật tự, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Để đấu tranh phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp bảo vệ an ninh

quốc gia trong tình hình mới cần thực hiện tốt những nhiệm vụ, giải pháp sau:

*Một là*, tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận nhận diện rõ những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; tăng cường giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự thống nhất trong Đảng và đồng thuận của nhân dân. Chẳng hạn, tiếp tục nghiên cứu làm rõ về thể chế “tam quyền phân lập”, “xã hội dân sự”.

*Hai là*, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình để nhận diện rõ ai đang có những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

*Ba là*, cần bổ sung chế tài xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên, kể cả công chức, viên chức và nhân dân “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

*Bốn là*, phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền của toàn bộ hệ thống chính trị và toàn dân; nòng cốt là lực lượng Công an tập trung đấu tranh phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới ■

<sup>1,2</sup> ĐCSVN: Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.88, 90.

# SỬ DỤNG CÁC CÔNG CỤ KINH TẾ TRONG QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

● PGS, TS TRẦN KIM CHUNG

*Hội đồng Lý luận Trung ương*

## 1. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về sử dụng các công cụ kinh tế trong quản lý thị trường bất động sản

### 1.1. Vốn hóa đất đai

*Thứ nhất, thực hiện phương thức đấu giá khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, đặc biệt là quỹ đất phát triển đô thị.* Phương thức dùng quỹ đất đô thị hóa đưa vào đấu thầu xây dựng theo quy hoạch tạo vốn phát triển đô thị dựa trên cơ sở căn bản là việc tạo ra quỹ đất trong quá trình đô thị hóa (quỹ đất từ đất nông thôn được thu gom, quy hoạch, đưa ra đấu thầu xây dựng theo quy hoạch. Vốn được tạo ra được sử dụng phát triển đô thị. Phương thức này được sử dụng hầu hết tại các nước công nghiệp trong quá trình phát triển. Tuy nhiên, để phương thức này thành công, có rất nhiều yêu cầu kèm theo. Quy hoạch

phải được lập ra bởi những cơ quan, chủ thể có trách nhiệm cao nhất. Việc tổ chức thực hiện phải được chế tài nghiêm. Nguồn tài chính thu được phải thực sự dùng cho phát triển, nhất là hạ tầng, của chính địa bàn tạo ra tài chính.

*Thứ hai, dùng quỹ đất hành lang công trình hạ tầng đưa vào đấu thầu xây dựng theo quy hoạch tạo vốn phát triển cơ sở hạ tầng.* Phương thức này dựa trên nền tảng cơ sở Nhà nước thu hồi đất phát triển cơ sở hạ tầng (đặc biệt là cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ) đồng thời với việc thu hồi đất hành lang công trình hạ tầng. Chẳng hạn với việc mở đường là thu hồi sâu vào hai bên đường từ 50-100m từ mép đường. Cùng với việc làm đường, Nhà nước sẽ đấu thầu các lô đất hai bên đường để các nhà đầu tư

phát triển bất động sản xây dựng bất động sản theo quy hoạch. Nguồn vốn thu được từ đấu giá đất sẽ được đưa vào quỹ phát triển cơ sở hạ tầng của thành phố.

*Thứ ba*, dùng quỹ đất chuyển đổi mục đích sử dụng của các cơ quan hành chính công, doanh nghiệp nhà nước đưa vào đấu thầu xây dựng theo quy hoạch để tạo vốn phát triển cho Nhà nước. Trong quá trình phát triển kinh tế, đặc biệt là quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường, việc di dời các công sở, các doanh nghiệp nhà nước ra khỏi địa bàn nội đô là quá trình tất yếu. Việc chuyển đổi đất của các công sở và các doanh nghiệp nhà nước cho các chủ thể sử dụng mới là một vấn đề cốt lõi trong việc vốn hóa nguồn lực đất đai này. Về cơ bản, các chủ thể sử dụng đất mới sẽ cần phải nộp những khoản tiền: Tiền chuyển quyền, tiền chuyển mục đích sử dụng đất... Để tối đa hóa nguồn vốn từ nguồn đất này, đấu giá là giải pháp hiệu quả nhất. Tuy nhiên, vì rất nhiều lý do, việc chuyển quyền sử dụng đất này không luôn được chuyển giao thông qua đấu thầu. Một trong những lý do cơ bản các nước chuyển đổi

Đông Âu viện dẫn là trong giai đoạn đầu, nếu đem đấu thầu thì hoặc là không có người mua, sẽ bị bán giá thấp hoặc là bị các nhà thầu thông thầu, ép giá.

## **1.2. Tín dụng cho thị trường bất động sản**

### *1.2.1. Các loại hình tín dụng*

*Phương thức tạo vốn thứ nhất:* Thế chấp là một trong những hoạt động cơ bản trong thị trường bất động sản. Quyền sở hữu đất đai, một khi đã được đăng kí, có thể thế chấp để vay vốn. Đây là phương thức truyền thống của việc tài chính hóa đất đai. Điều kiện tiên quyết của phương thức này là đất đai phải được xác lập chủ quyền đầy đủ. Chủ sử dụng đất đai phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với thửa đất. Đồng thời, về mặt kỹ thuật, ngân hàng sẽ định giá và cho vay một khoản tín dụng sao cho đảm bảo an toàn khoản tín dụng. Phương thức này được áp dụng mọi nơi.

*Phương thức tạo vốn thứ hai:* Để biến khoản thế chấp ngắn hạn trở thành vốn dài hạn và chuỗi vốn, khoản thế chấp được đưa ra tái thế chấp. Về nguyên tắc, lượng vốn tạo ra từ khoản tái thế chấp sẽ là  $(1/tỷ lệ$

chiết khấu. Chẳng hạn 10% - Luồng vốn tạo ra sẽ tương đương 10 lần).

*Phương thức tạo vốn thứ ba:* Trái phiếu hóa các khoản thế chấp. Hơn nữa, việc thế chấp các tổ chức tài chính không hạn chế địa bàn lãnh thổ sẽ làm cho nguồn vốn không bị hạn chế. Đây là một phương thức tương đối linh hoạt, và trong một khoảng thời gian trước năm 2008, phương thức này đã tạo ra một luồng vốn cho thị trường bất động sản. Tuy nhiên, do lạm dụng trái phiếu hóa các khoản thế chấp cho vay dưới chuẩn, mô hình này tại Mỹ đã trở thành ngòi nổ cho khủng hoảng trái phiếu hóa các khoản thế chấp bất động sản dưới chuẩn năm 2008.

### 1.2.2. Kinh nghiệm quốc tế

*Thứ nhất,* chính sách tín dụng, ngân hàng - Kinh nghiệm của Úc và Niu Di Lân. Có rất nhiều sản phẩm tín dụng để hỗ trợ các nhà đầu tư tư nhân trên TT BĐS. Các ngân hàng Úc và Niu Di Lân không trực tiếp đầu tư vào TT BĐS. Các kênh chủ yếu để ngân hàng tham gia cho vay vốn đối với đầu tư BĐS là thông qua thế chấp. 80% dư nợ cho vay của ngân hàng ANZ đối với đầu tư kinh doanh BĐS là dựa trên cầm cố BĐS.

*Thứ hai,* mô hình ngân hàng thế chấp - Kinh nghiệm của Đan Mạch. Học tập từ Đức khoảng 200 năm trước, hệ thống tín dụng thế chấp đã được đưa vào Đan Mạch là kết quả từ việc thiếu vốn dành cho các khoản vay BĐS dài hạn; việc chuyển đổi tài sản thành các nguồn vốn có thể thanh khoản đã bị hạn chế do hệ thống pháp luật lỏng lẻo và thị trường vốn manh mún. Hơn nữa, nguồn vốn của chính quyền Trung ương và địa phương không đủ để hỗ trợ BĐS. Trong những năm qua, ngân hàng thế chấp tại Đan Mạch đã phát triển mạnh mẽ và ngày càng đóng vai trò to lớn trong việc cung cấp các khoản vay BĐS. Hệ thống thế chấp của Đan Mạch dựa trên một hệ thống thị trường không có trợ cấp công cộng. Các khoản vay thế chấp chiếm 63% thị phần trên thị trường tín dụng của Đan Mạch.

*Thứ ba,* các Quỹ tài chính bất động sản - Kinh nghiệm của Úc và Niu Di Lân. Chứng khoán hóa BĐS là việc chuyển loại tài sản này thành các chứng khoán có thể trao đổi trên thị trường chứng khoán. Nhà đầu tư BĐS không trực tiếp nắm bắt BĐS mà đầu tư vào các cổ phiếu của BĐS đó. Các

quỹ đầu tư BĐS có hai dạng: dạng đóng và dạng mở. Quỹ “dạng đóng” có lượng vốn cố định và thời gian tồn tại cố định (khoảng 10-15 năm). Sau thời gian đó, tài sản của quỹ sẽ được bán và chia cho các cổ đông. Quỹ “dạng mở” không có lượng vốn cố định và thời gian tồn tại vô hạn. Tại Úc và Niu Di Lân, có năm dạng quỹ đầu tư BĐS chủ yếu, trong đó có hai loại quỹ có niêm yết trên thị trường chứng khoán.

*Thứ tư*, trái phiếu hóa các khoản cho vay dưới chuẩn - Kinh nghiệm của Hoa Kỳ. Chứng khoán hóa là một quá trình cho vay cơ cấu mà ở đó tài sản, các khoản phải thu hay các công cụ tài chính được mua lại, phân thành các nhóm, và được đưa ra làm tài sản thế chấp để đầu tư vào bên thứ ba. Có nhiều bên tham gia vào quá trình này. Do hoạt động chứng khoán hóa, sự ưa thích của nhà đầu tư đối với chứng khoán có bảo đảm bằng thế chấp (MBS) và xu hướng xếp hạng phẩm cấp đầu tư của các tổ chức xếp hạng cho MBS, các khoản vay có độ rủi ro tín dụng cao có thể được tạo ra, kết hợp lại và rủi ro sẵn sàng chuyển sang cho người khác.

Việc chứng khoán hóa tài sản bắt đầu bằng việc cho vay cơ cấu các nhóm tài sản cầm cố vào những năm 70. Như vậy, chính việc chứng khoán hóa khoản vay mua nhà cho người có mức độ tin cậy thấp - chứ không phải bản thân các khoản vay - là nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng tín dụng toàn cầu hiện nay.

### **1.3. Thuế**

#### *1.3.1. Vấn đề chung về thuế trong thị trường bất động sản*

*Thuế*: Thuế nhà đất là loại thuế thu hàng năm đối với các đối tượng có quyền sử dụng đất để ở hoặc để xây dựng công trình, mang ý nghĩa là thuế đánh vào việc sử dụng đất cho mục đích phi sản xuất nông nghiệp. Hệ thống thuế nói chung, rất phức tạp. Những sắc thuế liên quan đến đất đai tuy không phải là toàn bộ hệ thống thuế nhưng cũng khá phong phú. Thuế doanh thu, thuế thu nhập (khi có chuyển dịch đất đai), thuế giá trị gia tăng, thuế chống chuyển giá (thuế giao dịch liên kết). Đặc biệt, thuế đối với đất đai, bất động sản đánh vào những người có sử dụng đất. Những thuế này hướng tới tính bình đẳng xã hội. Việc cần thiết là

phải có một hệ thống thuế đầy đủ, khả thi và hiệu quả là góp phần thúc đẩy chuyển dịch đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Thuế là một nguồn thu chủ yếu của ngân sách. Việc thu thuế đất cũng không là ngoại lệ. Việc định ra một sắc thuế liên quan đến đất đai luôn bao hàm rất nhiều mục tiêu trong nó. Tuy nhiên, thuế đất có tác động đến chuyển dịch đất đai theo ít nhất ba chiều cạnh: (i) thúc đẩy hay hạn chế chuyển dịch đất đai. Lẽ đương nhiên, thuế cao làm giảm giao dịch, từ đó làm giảm chuyển dịch đất đai. Thuế thấp làm tăng giao dịch, từ đó làm tăng chuyển dịch đất đai. Thậm chí có những thời điểm, để ngăn chặn giao dịch, chuyển dịch đất đai, thuế cao đến mức không có giao dịch, chuyển dịch được. (ii) trực tiếp hoặc gián tiếp chống đầu cơ – chuyển dịch nóng đất đai để đảm bảo phát triển bền vững. (iii) thông qua thuế đất để điều chỉnh, phân bổ lại lợi ích do việc

chiếm dụng đất đai đem lại, qua đó, đảm bảo bình đẳng xã hội và phát triển bền vững về môi trường. Thuế chuyển dịch đất đóng góp vào thu ngân sách để từ đó phát triển hạ tầng. Đến lượt nó, phát triển hạ tầng thúc đẩy chuyển dịch đất đai. Đồng thời, điều chỉnh các tỷ suất thuế, mức sàn áp thuế phù hợp cho từng thời điểm. Hơn nữa, hệ thống thuế phải hướng tới nuôi dưỡng nguồn thu để đảm bảo nguồn thu bền vững và kích thích chuyển dịch đất đai.

### 1.3.2. Thuế tài sản

Hiện nay tại Hàn Quốc thuế tài sản được đánh đối với đất đai, nhà ở, tòa nhà, máy bay và tàu thủy. Thuế tài sản được đánh theo nguyên tắc lũy tiến và là nguồn thu chính của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, đối với những tài sản có giá trị lớn thì sẽ do Chính quyền trung ương thu. Theo đánh giá thì khởi điểm thuế suất của thuế tài sản không cao và hầu hết (khoảng 98%) là nộp tại chính quyền địa phương, chỉ khoảng 2% người cực giàu nộp thuế tài sản cho ngân sách

Trung ương (nhưng mức lũy tiến rất cao), nguồn thu từ thuế tài sản này lại được tái phân bổ lại cho ngân sách địa phương cho các mục tiêu chi giáo dục và phát triển hạ tầng.

Thuế tài sản là do địa phương thực hiện: vì để cho chính quyền phục vụ trực tiếp cho người dân. Tuy nhiên vẫn chưa hiệu quả, vì những vùng nghèo sẽ không có nhiều nhà đất để bán, ít người mua. Vì thế, Hàn Quốc đã đưa ra Luật thuế bất động sản năm 2005, hình thành thuế bất động sản tổng hợp, thuế tài sản tổng hợp là chia làm hai loại thuế: (1) thuế đóng cho địa phương là đóng theo từng căn hộ, căn hộ thứ nhất nộp thuế thấp, căn nhà sau nộp cao hơn (mức cao bao nhiêu là cho địa phương quyết). Cho phép các địa phương được phép điều chỉnh trong biên độ 5% so với thuế suất do chính phủ quy định, nhưng đến nay chưa có địa phương nào điều chỉnh. (2) Thuế nộp cho trung ương là thuế suất tính trên tổng giá trị các loại tài sản (tổng từ bao nhiêu đó trở lên mới phải nộp, rất cao). Tổng các loại thuế thu của địa phương luôn không đủ, đặc biệt là địa phương nghèo. Vì thế chính phủ có 2 cách hỗ

trợ địa phương: Có 2 loại hỗ trợ, hỗ trợ tổng hợp (khoảng 19,24%) đưa cho địa phương tự quyết định mục đích sử dụng; phần hỗ trợ thứ hai là theo lĩnh vực. Ví dụ, hiện nay đang hỗ trợ là ngành giáo dục (20,2% thuế đưa cho các sở giáo dục để nâng cấp chất lượng giáo dục).

## **2. Thực trạng sử dụng các công cụ kinh tế trong quản lý thị trường bất động sản ở Việt Nam giai đoạn 2011-2021**

### ***2.1. Thực trạng sử dụng công cụ kinh tế trong quản lý thị trường bất động sản***

Hệ thống cơ chế, chính sách hiện hành đang điều tiết việc sử dụng các công cụ kinh tế trong quản lý thị trường bất động sản ở Việt Nam giai đoạn 2011-2021: (i) Luật Quy hoạch phát triển đô thị 2009; (ii) Luật Giá 2012; (iii) Luật Đất đai 2013; (iv) Luật Xây dựng; (v) Luật Nhà ở 2014; (vi) Luật kinh doanh bất động sản 2014; (vii) Bộ Luật Dân sự 2015; (viii) Luật Quy hoạch 2017; (ix) Luật quản lý và sử dụng tài sản công 2017; (x) Luật Đầu tư công (2013) và Luật Đầu tư công 2019; (xi) Luật Doanh nghiệp (2014), Luật Doanh nghiệp 2010; (xii)



Luật Đầu tư 2014 và Luật Đầu tư 2020; (xiii) Luật PPP 2020

Vốn hóa đất đai, bất động sản: Luật Đất đai. Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản có liên quan quy định chi tiết các trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất trong Luật Đấu giá tài sản 2016. Luật Đấu giá tài sản 2016 có hiệu lực từ ngày 01/7/2017, đã quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục đấu giá tài sản, trong đó, có quyền sử dụng

đất; tài sản là nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng; quản lý nhà nước về đấu giá tài sản, với nhiều quy phạm pháp luật tương đối đồng bộ, nhưng vẫn cần được sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hơn.

Tín dụng bất động sản chưa làm được vai trò cấp vốn và điều tiết thị trường bất động sản: được qui định tại Nghị định 197/2004/NĐ-CP về đền bù, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và các Thông tư hướng dẫn có liên quan.



*Thị trường bất động sản Hà Nội luôn sôi động\_ Ảnh: IT*



Các công cụ tài chính phái sinh đối với đất đai, bất động sản những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích xã hội hóa, với các ưu đãi về chính sách tài chính đất đai. Năm 2008, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69/2008/NĐ-CP về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Nghị định số 59/2014/NĐ-CP tiếp tục có nhiều điểm đổi mới, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực đất đai, tài sản Nhà nước và tạo nguồn thu lâu dài, bền vững cho NSNN, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Nghị định 163/2018/NĐ-CP yêu cầu công bố thông tin chi tiết các điều kiện và điều khoản trái phiếu ít nhất 10 ngày làm việc trước khi phát hành là không hợp lý và khó khả thi trong thực tế.

**2.2. Đánh giá thực trạng sử dụng công cụ kinh tế trong quản lý thị**

**trường bất động sản Việt Nam giai đoạn 2011-2021**

### 2.2.1. Một số vấn đề

Thứ nhất, cơ chế đấu thầu là trung tâm, là hạt nhân của giao đất, cho thuê đất – nòng cốt của chuyển dịch đất đai. Vì vậy, vấn đề tổng quát đặt ra chính là làm sao đảm bảo cho đấu giá đạt kết quả tốt nhất. Một là, làm thế nào để có cuộc đấu giá đúng. “Bảo đảm tính độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan” (khoản 2 Điều 6 Luật Đấu giá tài sản); không để xảy ra tình trạng đấu giá “cuội”, “quân xanh, quân đỏ”, hoặc “Thông đồng, móc nối với người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, tổ chức thẩm định giá, tổ chức giám định tài sản đấu giá, cá nhân, tổ chức khác để làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá, đùm giá, làm sai lệch hồ sơ đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản” (khoản (1.c) Điều 9 Luật Đấu giá tài sản); hoặc “Cản trở, gây khó khăn cho người tham gia đấu giá

trong việc đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá” (khoản (2.c) Điều 9 Luật Đấu giá tài sản); hoặc “Để lộ thông tin về người đăng ký tham gia đấu giá nhằm mục đích trục lợi” (khoản (2.d) Điều 9 Luật Đấu giá tài sản), trong giai đoạn tiếp nhận đăng ký tham gia đấu giá, và tại thời điểm mở cuộc đấu giá. Hai là, cơ chế xác định giá khởi điểm thế nào cho hiệu quả. Rất cần thiết phải hoàn thiện cơ chế xác định “Giá khởi điểm của tài sản đấu giá, trong đó, có quyền sử dụng đất” một cách hợp lý, để thu hút được các nhà đầu tư tham gia đấu giá. Nhưng “Giá khởi điểm của tài sản đấu giá” không được xác định quá thấp một cách bất bình thường, bởi vì có thể dẫn đến làm thất thoát tài sản nhà nước, nếu đi đôi với đó là việc tổ chức đấu giá “cuội”, “quân xanh, quân đỏ”. Ba là, cơ chế kiểm soát đấu giá thế nào cho đạt được thành công. Rất cần thiết phải có cơ chế kiểm soát, giám sát chặt chẽ hoạt động của “Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản” để đảm bảo cơ quan này hoạt động trung thực, khách quan, vô tư. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 77, Điều 79 Luật Đấu giá tài sản thì Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh có trách nhiệm “Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về tổ chức và hoạt động của tổ chức đấu giá tài sản” là chưa đủ, mà rất cần thiết phải có quy định về cơ chế kiểm soát, giám sát hiệu quả hoạt động của “Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản”.

*Thứ hai*, vấn đề khi chuyển mục đích sử dụng đất, phải nộp tiền chênh lệch. Xác định giá chênh lệch thế nào? Nếu người mua đất khi chưa chuyển dịch đã bao gồm giá sau khi chuyển dịch thì tính toán thế nào? Khi đó, tiền mua quyền sử dụng đất công tiền chênh lệch sẽ cao hơn giá tại thời điểm cấp giấy chuyển dịch mục đích sử dụng đất sẽ xử lý thế nào? Lẽ tất nhiên, người nộp tiền, nếu cao quá và bất hợp lý quá thì điều gì xảy ra. Hơn nữa, vấn đề Chuyển mục đích sử dụng đất. Giá đất trong quá trình chuyển dịch sang đất khác có một thời gian và một tiến trình tăng giá (đối với đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp).

*Thứ ba*, hệ thống tín dụng chưa được sử dụng một cách hiệu quả. hệ thống ngân hàng cần kiểm soát tín dụng đối với thị trường đất đai, bất động sản. Luôn có cảnh báo về lợi

nhuận và tăng trưởng tín dụng; về tăng trưởng tín dụng - ngân hàng không kiểm soát từ đầu rất dễ dẫn đến không kiểm soát được tổng thể và dẫn đến nguy cơ đối với an toàn hệ thống; về nợ xấu có nhiều bất ngờ nên thường xuyên phải giám sát. Có nhiều hạn chế cho vay của ngân hàng các công ty tài chính để kiểm soát rủi ro. Còn vấn đề thứ ba là nhằm ngăn chặn tình trạng một số công ty tài chính nhắc nợ, đòi nợ tổ chức, cá nhân không có nghĩa vụ trả nợ cho công ty tài chính, hoặc đòi nợ lúc nửa đêm gây bức xúc dư luận. Nếu không có một động thái nào chấn chỉnh thì thị trường tín dụng tiêu dùng sẽ trở nên tạp nham và hỗn loạn khó kiểm soát. Quy định này không nhằm hạn chế tín dụng tiêu dùng mà nhằm kiểm soát rủi ro của hoạt động cho vay tiêu dùng. Công tác thu hồi nợ thời gian qua đã biến tướng nên phải chấn chỉnh cũng là mục tiêu của thông tư dự thảo.

*Thứ tư*, thuế đối với thị trường bất động sản chưa làm được vai trò điều tiết thị trường bất động sản cũng như đóng góp vào phát triển kinh tế. Hệ thống thuế đất vẫn chưa đạt được

trạng thái cần thiết của chuẩn mực quản lý phù hợp. Quyết định giá đất của cơ quan hành chính còn thiếu độc lập và khách quan. Hệ thống thuế về đất đai quá lạc hậu, làm cho nguồn thu từ đất quá nhỏ so với nhu cầu bảo vệ lợi ích toàn dân về đất đai. Quan điểm xây dựng hệ thống thuế về đất đai cần chuyển hẳn sang mục tiêu thuế là công cụ quan trọng của Nhà nước để điều tiết thị trường. Hệ thống thuế về đất đai hiện hành đang là nguyên nhân chính làm cho ngân sách phải chi quá nhiều cho đầu tư phát triển hạ tầng và dịch vụ công cộng mà mọi người sử dụng lại không phải mất bất kỳ một chi phí nào. Hệ thống thuế đất của Việt Nam chưa phù hợp kinh tế thị trường, cũng như không thể trở thành công cụ mạnh để ngăn chặn đầu cơ, khuyến khích đầu tư và minh bạch thị trường quyền sử dụng đất.

*2.2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế về sử dụng công cụ kinh tế trong quản lý thị trường bất động sản Việt Nam giai đoạn 2011-2021*

*Thứ nhất*, nguyên nhân liên quan đến chưa điều tiết được giá trị gia tăng giá trị quyền sử dụng đất khi

chuyển đổi mục đích sử dụng đất: Có một số nguyên nhân cơ bản: Một là, chưa giải quyết được vấn đề giá trị gia tăng do đâu. Cho đến nay, chưa có cơ chế hay cách thức xác định giá trị gia tăng của quyền sử dụng đất khi thay đổi mục đích sử dụng đất (đất nông nghiệp thành đất ở), thay đổi vị thế thửa đất (đất nông thôn thành đất đô thị), thay đổi hạ tầng khu vực (đường mới mở đi qua)... Vì vậy, các bên được thụ hưởng giá trị gia tăng luôn không hài lòng với vị thế của mình được đối xử và luôn cho rằng, sự gia tăng giá trị ấy là do mình tạo ra. Hai là, chưa giải quyết được vấn đề giá trị gia tăng thuộc về ai. Do chưa xác định được giá trị gia tăng do đâu nên khi có sự thay đổi về chủ thể, các bên Nhà nước – Bên được nhận – bên giao đi luôn có xu hướng kéo lợi ích về phía mình và không hài lòng với lợi ích mình nhận được. Hệ quả của vấn đề này rất rõ qua tỷ lệ khiếu kiện về đất đai chiếm tỷ lệ cao trong các khiếu kiện và tỷ lệ khiếu kiện về đền bù chiếm tỷ lệ cao trong khiếu kiện về đất đai. Ba là, chưa có cơ chế phân bổ thỏa đáng lợi ích của các bên: Nhà nước – Bên nhận đất – Bên giao đất

(bị thu hồi). Do chưa xác định được lợi ích do đâu, thuộc về ai nên chưa thể có cơ chế phân bổ thỏa đáng lợi ích của các bên trong việc phân bổ giá trị gia tăng này.

*Thứ hai*, nguyên nhân cơ chế thu hồi đất hành lang công trình hạ tầng đưa vào đấu giá tạo quỹ phát triển cơ sở hạ tầng. Có một số nguyên nhân cơ bản: Một là, chưa có văn bản pháp lý đủ thẩm quyền. Mặc dù cơ chế này đã được đặt vấn đề từ giữa những năm 90 tại Hà Nội. Cũng như vậy, tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã có bước thử nghiệm. Tuy nhiên, đến nay, vẫn chưa có một văn bản đủ tầm được ban hành để vận dụng cơ chế này. Hai là, chưa có cơ chế thực thi đủ khả năng. Việc chưa có cơ chế thực thi cơ chế này, nếu có văn bản, cũng là một trong những nguyên nhân cần được xem xét. Mặc dù đất đai là sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý nhưng tất cả các chủ sử dụng đất hiện hữu luôn không thỏa mãn với phần đền bù khi giải tỏa. Vì vậy, việc thực thi cơ chế này cần được quán triệt một cách sâu rộng thì mới có thể tiến hành được. Ba là, chưa giải quyết

được thỏa đáng lợi ích của các bên: Nhà nước, chủ thể phát triển cơ sở hạ tầng và người dân đang có quyền sử dụng đất. Cần phải xác định rõ, lợi ích gia tăng khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở; từ đất ở giá trị thấp sang đất ở giá trị cao do đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng là lợi ích chung; không thể xác định rõ là do đâu đem lại. Vì vậy, giá trị gia tăng đấy phải được phục vụ lợi ích chung.

*Thứ ba*, về đấu giá khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất có một số nguyên nhân hạn chế, tồn tại có thể được kể đến: Một là, còn những bất cập trong các văn bản liên quan đến đấu thầu dự án có sử dụng đất (Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành...). Hai là, chưa có chế tài đủ mạnh để đảm bảo bắt buộc phải đấu giá khi giao đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất. Ba là, chưa có quy định rõ ràng về Hội đồng thẩm định giá, về tiêu chí xác định hệ số điều chỉnh giá đất. Bốn là, chưa có một quy trình đủ tốt (về các bước tiến hành, về giá khởi điểm, về Hội đồng chấm thầu, về điều kiện của các bên tham gia đấu thầu, vấn đề

xử lý khoản tiền đặt trước) và chưa có một cơ quan, đơn vị đủ mạnh để đảm bảo triển khai đấu giá quyền sử dụng đất được thực thi hoàn chỉnh. Năm là, năng lực của các bên liên quan đến triển khai việc đấu thầu quyền sử dụng đất còn hạn chế. Năng lực của những thành viên tham gia tổ chức thầu chưa chuyên nghiệp. Thông tin về bản thân thửa đất chưa thông suốt. Thông tin về cuộc đấu giá chưa được công khai, minh bạch... Sáu là, chưa có sự thống nhất về đơn vị chịu trách nhiệm trong việc thực hiện đấu giá đất là tài sản giữa Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư và Luật Đấu giá tài sản.

*Thứ tư*, nguyên nhân liên quan đến đấu giá quyền sử dụng đất. Sự việc đấu giá đất thành công cao bất thường tại Thủ Thiêm (Thành phố Hồ Chí Minh). Có rất nhiều ý kiến, có rất nhiều quan điểm, có rất nhiều phản ứng xung quanh vấn đề này. Nhà nước cần công khai, minh bạch tất cả các thông tin xung quanh vấn đề này. Các doanh nghiệp cần thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình. Các tổ chức tài chính – tín dụng cần có cách tiếp cận khách quan và hiệu

quả trong việc xem xét tài trợ cho các giao dịch này. Các cơ quan truyền thông cần khách quan trong việc phản ánh các giao dịch này. Bên cạnh đó, có một số vấn đề đặt ra: Một là, giá sàn chưa sát giá trị thực. Do rất nhiều lý do, việc đặt ra giá khởi điểm (giá sàn) không sát giá trị thực nên đôi khi, các bên tham gia đấu giá tham gia đơn giản vì thấy giá thấp. Hoặc giả, do giá sàn thấp mà khi đấu giá, giá trúng đấu giá quá cao lại có tác động lan tỏa đến những thửa đất xung quanh đấu giá. Hệ quả tác động xa là khi xác định lại giá đất trong khu vực thì những biến động giá đất đôi khi làm sai lệch giá ban đầu. Có một số nguyên nhân: (i) các công cụ tín dụng chưa được đưa vào vận hành một cách đầy đủ, đồng bộ, do đó hệ thống tín dụng vẫn còn phát triển ở cấp độ thấp, không theo kịp sự phát triển của yêu cầu của thị trường bất động sản. (ii) thị trường bất động sản vẫn còn ở cấp độ phát triển thấp nên vẫn lệ thuộc nhiều vào tín dụng từ hệ thống ngân hàng thương mại, do đó, tạo ra hội chứng sự bất cân xứng giữa hệ thống tín dụng và thị trường bất động sản. (iii)

thị trường tài chính còn phát triển ở cấp độ thấp, hệ thống chính sách chưa đầy đủ, lợi ích các bên chưa hài hòa. Do còn thiếu những công cụ như tái thế chấp; quỹ tiết kiệm tương hỗ; quy tiết kiệm hưu trí tham gia thị trường bất động sản... nên luồng tiền vẫn còn rất hạn chế về quy mô; khó luân chuyển và hệ quả là thiếu tiền cho thị trường bất động sản.

*Thứ năm*, nguyên nhân hệ thống thuế chưa được sử dụng một cách hiệu quả đối với quản lý thị trường bất động sản: (i) còn nhiều sắc thuế chưa được vận hành. (ii) hệ thống thuế vận hành giống nhau cho các đối tượng trong khi thị trường bất động sản là một đối tượng đặc thù nên có những vấn đề chưa khớp giữa thuế và quản lý thị trường bất động sản. (iii) việc chuyển đổi đất đai bất động sản và thuế gắn chặt với vấn đề giá tăng giá trị trong quá trình chuyển dịch đất đai, bất động sản nhưng do chúng ta chưa có một thước đo chuẩn sự gia tăng đó nên việc đánh thuế vẫn còn nhiều sơ hở đối với mảng thuế này. (iv) thuế dựa trên giá, nhưng là giá của nhà nước quy định. Nhưng giá nhà nước quy



định không phản ánh đúng giá thị trường. Hệ quả là, khó có thể tránh được bất cập trong thuế đất. (v) chế tài thuế chưa đủ hiệu lực.

### **3. Một số giải pháp tăng cường sử dụng các công cụ kinh tế (trong quản lý) để thúc đẩy phát triển lành mạnh thị trường bất động sản giai đoạn 2022-2025 và tầm nhìn 2030**

#### ***3.1. Bối cảnh, quan điểm tăng cường sử dụng các công cụ kinh tế trong quản lý thị trường bất động sản giai đoạn 2022-2025 và tầm nhìn 2030***

##### *3.1.1. Bối cảnh*

Một là, thế giới đang và sẽ biến động trên nhiều bình diện khác nhau: Tự nhiên, kinh tế, xã hội, quan hệ quốc tế cũng như các đại dịch. Hai là, giai đoạn 2022-2025 và đến 2030, nền kinh tế Việt Nam bước vào thời kì hội nhập, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vận hành cơ chế thị trường của nền kinh tế ngày càng sâu sắc. Hệ quả là quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ hơn, việc chuyển đổi đất đai từ nông nghiệp sang các loại đất khác để phục vụ phát triển kinh tế và phát triển đô thị là tất yếu. Ba là, các công cụ kinh tế, trong cơ chế thị trường, ngày càng

phát huy vai trò của nó trong thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản. Bốn là, việc phát triển đô thị có yêu cầu quan trọng là phát triển hạ tầng đô thị. Việc tạo lập nguồn lực để phát triển hạ tầng là yêu cầu quan trọng. Năm là, việc tăng cường hiệu quả thị trường bất động sản cần tăng cường công tác đấu thầu quyền sử dụng đất đai, bất động sản khi chuyển dịch mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất.

#### *3.1.2. Quan điểm, chủ trương, đường lối, mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng, nhà nước đối với sử dụng công cụ kinh tế trong quản lý thị trường bất động sản Việt Nam giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn 2030*

Có một số quan điểm cần quán triệt: Một là, đất đai, bất động sản phải thực sự trở thành nguồn lực, nguồn vốn, nguồn tài sản đóng góp cho phát triển kinh tế. Hai là, các công cụ kinh tế phải được hình thành và phát triển một cách đầy đủ, đồng bộ để thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản nói riêng và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam nói chung. Ba là, hài hòa hóa quyền lợi và nghĩa vụ của



các bên liên quan trong việc sử dụng các công cụ kinh tế để quản lý thị trường bất động sản, nhất là Nhà nước – Doanh nghiệp (chủ thể nhận quyền sử dụng đất) – Người dân (chủ thể đang sử dụng đất).

### ***3.2. Một số giải pháp tăng cường sử dụng công cụ kinh tế trong quản lý để thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển lành mạnh giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030***

#### ***3.2.1. Công cụ vốn hóa***

*Thứ nhất*, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến công cụ vốn hóa trong Luật Đất đai 2013 cho phép chủ đầu tư được quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án kể từ thời điểm sau khi đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch của dự án; coi chuyển nhượng dự án, một phần dự án là hoạt động bình thường trong quá trình đầu tư kinh doanh theo nhu cầu của các doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai và Luật Kinh doanh bất động sản để cho phép chủ đầu tư được quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án nhà ở kể từ thời điểm sau khi đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, tạo lập

quỹ đất dự án; cho phép người sử dụng đất được quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất tại các tổ chức tín dụng ở nước ngoài; sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai quy định cơ chế phát huy vai trò của Tổ chức phát triển quỹ đất.

*Thứ hai*, hoàn thiện cơ chế điều tiết giá trị gia tăng của đất do chuyển mục đích sử dụng đất đai, bất động sản trong quá trình quy hoạch, kế hoạch phát triển đất đai, bất động sản: Một là, công khai, minh bạch các quy hoạch chi tiết có liên quan đến đất đai, chuyển dịch đất đai. Hai là, công khai, minh bạch các cơ chế, chính sách, địa bàn vận dụng các cơ chế điều tiết giá trị gia tăng giá trị quyền sử dụng đất. Ba là, thực hiện giao đất, cho thuê đất qua đấu giá, đấu thầu.

*Thứ ba*, kiện toàn cơ chế thu hồi đất hành lang công trình hạ tầng đưa vào đấu giá tạo quỹ phát triển cơ sở hạ tầng: Ban hành một văn bản về việc vận dụng cơ chế thu hồi đất hành lang công trình hạ tầng đưa vào đấu giá, xây theo quy hoạch, tạo vốn phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng đô thị. Hai là, rà soát quy hoạch

các công trình hạ tầng và các diện tích đưa vào hành lang công trình trong các bản quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng. Ba là, công khai hóa thông tin liên quan đến công trình hạ tầng, hành lang công trình hạ tầng và các chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách liên quan đến việc vận dụng cơ chế này.

*Thứ tư*, kiện toàn công tác đấu giá đất đai, bất động sản: Một là, chuyên nghiệp hóa Hội đồng đấu giá đất đai, bất động sản. Hai là, công khai hóa thông tin đất đai, bất động sản trong đó có giá đất đai, bất động sản. Ba là, thị trường hóa việc định giá đất đai, bất động sản. Các cơ quan định giá đất được bình đẳng trong hoạt động định giá đất đai, bất động sản, trong đó, các cơ quan định giá đất đai, bất động sản là một bên trong công tác định giá đất đai, bất động sản

3.2.2. *Kiện toàn hoạt động tín dụng bất động sản*

*Thứ nhất*, hoàn thiện chính sách: sửa đổi các cơ chế về mua, bán, thế chấp, góp vốn, trái phiếu hóa, cổ phần hóa; nghiên cứu hoàn thiện hệ thống thế chấp thứ cấp, ngân hàng tiết kiệm tương hỗ; hình thành các quỹ đầu tư

bất động sản, quỹ đầu tư tín thác bất động sản; trái phiếu hóa, cổ phần hóa giá trị quyền sử dụng đất đai; nghiên cứu, thí điểm, ban hành chính sách liên quan đến các cơ chế “Đổi đất lấy hạ tầng” hay còn gọi là “sử dụng quỹ đất để phát triển hạ tầng” và nay được ẩn dưới tên “dự án BT”; “Giao đất công để thực hiện các dự án đầu tư” và “bán tài sản công” khi Nhà nước không còn nhu cầu sử dụng; Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, trong đó tài sản của doanh nghiệp bao gồm cả đất công và tài sản công gắn liền...

*Thứ hai*, ban hành văn bản vận hành công cụ tái thế chấp, văn bản vận hành công cụ quỹ tiết kiệm tương hỗ; triển khai thực hiện trong thực tiễn hoạt động của các thực thể này; công khai, minh bạch tình trạng tín dụng của các doanh nghiệp bất động sản cũng như mảng tín dụng bất động sản của các ngân hàng.

3.2.3. *Hoàn thiện hệ thống thuế đất đai, bất động sản*

*Thứ nhất*, thực hiện cải cách toàn diện hệ thống thuế về đất theo hướng tăng đáng kể mức thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế nhà ở và các tài sản gắn liền khác tại khu vực đô thị

nhằm tạo nguồn thu bền vững từ đất, tạo nguồn kinh phí phát triển hạ tầng và dịch vụ công cộng, tạo điều kiện giảm đầu cơ, tích trữ nhà đất và góp phần phân bố lại dân cư đô thị; Giảm mức thu từ chuyển quyền bất động sản như giảm lệ phí trước bạ, phí công chứng, lệ phí địa chính nhằm khuyến khích các giao dịch công khai và thúc đẩy hoạt động của thị trường bất động sản chính quy; điều chỉnh giảm các mức thuế sử dụng đất, thuế trước bạ, thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ba là, nghiên cứu trình ban hành thuế tài sản.

*Thứ hai*, không thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp với đất thuê của nhà nước để giảm bớt thủ tục hành chính, nên đưa thuế này vào tiền thuê đất; thuê đất trả một lần bằng giá thuê hàng năm nhân với số năm thuê để tạo điều kiện cho các đơn vị giảm bớt chi phí, tăng sức cạnh tranh; điều chỉnh cơ chế giá đền bù để phù hợp với quy luật thị

trường; sử dụng mức thuế phạt thời gian quá hạn như tiền thuê đất nhằm giảm tình trạng dự án treo, dự án trì trệ, nếu công ty thấy không thể đáp ứng các nghĩa vụ thuế thì có thể bàn

giao cho đơn vị khác để đẩy nhanh tiến độ triển khai; từ đó thúc đẩy thị trường quyền sử dụng đất; cần có quy định về đánh thuế tài sản nhằm lành mạnh hóa hơn nữa thị trường đất đai và thị trường bất động sản

### Kết luận

Hoàn thiện công cụ kinh tế trong quản lý thị trường bất động sản là một chủ đề lớn, gồm nhiều vấn đề, nội dung khác nhau. Ba trong số những vấn đề cần bàn đến trong bối cảnh hiện nay là vốn hóa; tín dụng và thuế. Ba vấn đề này có liên quan mật thiết với nhau. Để vốn hóa được phải có tín dụng và khi vốn hóa vận hành phải được điều tiết bằng thuế và ngược lại. Khi đồng bộ hóa các công cụ này, thị trường bất động sản sẽ phát triển lên cấp độ trưởng thành ■



# KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ CÁC GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

## 1. Nhật Bản

Tại Nhật Bản, 98% nông dân là thành viên của hơn 850 HTX nông nghiệp đa chức năng. Ở khu vực nông thôn, các HTX nông nghiệp đa chức năng đóng vai trò quan trọng với nhiệm vụ cung cấp hầu hết các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống cho nông dân như cung cấp nguyên liệu đầu vào, máy móc, thiết bị nông nghiệp, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật, thu mua, chế biến và tiêu thụ nông sản, cung cấp các dịch vụ ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, y tế, tổ chức các cửa hàng bán lẻ, cung cấp đồ gia dụng, xây dựng nhà tang lễ, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, các câu lạc bộ sinh hoạt cộng đồng.... Hệ thống các HTX

nông nghiệp được tổ chức từ cấp cơ sở cho đến các liên hiệp HTX cấp tỉnh và liên hiệp các HTX nông nghiệp trung ương Nhật Bản, trong đó Liên minh HTX nông nghiệp Nhật Bản là tổ chức cấp cao nhất mang tính đại diện cho nông dân, cho phong trào HTX và triển khai các hoạt động chính trị, tham gia xây dựng chính sách pháp luật, hướng dẫn về tổ chức và quản lý, cung cấp các hoạt động thông tin, đào tạo, kiểm toán,... Hơn nữa, ở Nhật Bản còn có các liên đoàn HTX nông nghiệp chuyên ngành với chức năng hỗ trợ các HTX nông nghiệp triển khai các hoạt động kinh tế trong từng lĩnh vực hay chăm lo đến đời sống tinh thần của nông dân, như Liên đoàn cung tiêu quốc gia các HTX nông nghiệp, Liên



*Tại Nhật Bản, 98% nông dân là thành viên của hơn 850 HTX nông nghiệp đa chức năng \_ Ảnh: japanfarmersmarkets.com*

đoàn bảo hiểm tương hỗ quốc gia các HTX nông nghiệp, Ngân hàng Trung ương các HTX nông - lâm - ngư nghiệp, Liên đoàn phúc lợi quốc gia các HTX nông nghiệp, Liên đoàn thông tin báo chí quốc gia các HTX nông nghiệp, các cơ sở khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe,...

HTX nông nghiệp Nhật Bản là do người dân lập ra và hoạt động vì người nông dân. Những người điều hành HTX là những người được đào tạo nghiệp vụ bài bản và có kinh nghiệm

trong lĩnh vực nông nghiệp nhưng phải chịu sự giám sát từ ban kiểm soát độc lập. Tất cả chức vụ này đều do xã viên bầu ra một cách dân chủ. Người điều hành chịu áp lực rất lớn từ các thành viên của HTX: nông dân không phải là người phụ thuộc vào HTX mà trái lại, sự sống còn của HTX phải phụ thuộc vào người nông dân.

Hoạt động của hệ thống HTX Nhật Bản được tổ chức một cách chặt chẽ với những mục tiêu và định hướng rõ ràng. Tất cả các nông sản sản xuất bởi

HTX nông nghiệp Nhật Bản đều đảm bảo một quy chuẩn chất lượng chung (nông nghiệp 3H - Healthy, High quality, High technology - sức khỏe, chất lượng cao, công nghệ cao), được gắn cùng một nhãn hàng “JA” và có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Không bó hẹp trong việc hỗ trợ quy trình sản xuất HTX nông nghiệp Nhật Bản thúc đẩy tư duy và tầm nhìn của người nông dân Nhật Bản với những mục tiêu: duy trì năng suất, duy trì giá cổ phiếu thực phẩm, quảng bá các chương trình hỗ trợ lương thực, thực phẩm, liên kết với các chương trình hỗ trợ quốc tế, mở rộng các chương trình về an ninh lương thực quốc tế, hỗ trợ kế hoạch hóa gia đình và phúc lợi xã hội, hỗ trợ các nghiên cứu nông nghiệp liên quốc gia, thiết lập hệ thống thương mại nông nghiệp.

HTX nông nghiệp Nhật Bản với 2/3 nông dân tham gia làm thành viên, là đầu mối áp dụng khoa học - kỹ thuật từ khi mới được thành lập, nơi những người dân có thể chia sẻ các thiết bị công nghệ nông nghiệp hiện đại và đắt tiền, với chính sách mỗi vùng một sản phẩm, toàn bộ khu vực sản xuất đều được giám sát bằng camera và các thiết

bị cảm ứng. Để làm được điều này, những người nông dân Nhật phải có trình độ nhất định và tinh thần hợp tác cao. Từ khi HTX là đơn vị công lập, chính phủ Nhật Bản đã chú trọng phát triển dịch vụ tư vấn nông nghiệp, trong đó không chỉ tư vấn, đào tạo ứng dụng khoa học công nghệ mà còn kết hợp tư vấn về chi tiêu tài chính, tiềm năng của từng giống cây trồng...

Đến nay, toàn bộ nông dân Nhật Bản có thể tự cập nhật và chia sẻ các thông tin về giá cả thị trường, cổ phiếu nông nghiệp, thời tiết, khoa học - kỹ thuật... thông qua một nền tảng trực tuyến kết nối những cá nhân, tổ chức nông nghiệp. Các HTX hợp tác với các trường đại học và thành lập một liên minh gọi là: “Liên đoàn Đại học HTX” (NFUCA) với hơn 1,4 triệu thành viên. Trong đó, các sinh viên, giảng viên của các trường vừa là người tiêu thụ nông sản do HTX sản xuất, đồng thời cũng quảng bá, đào tạo các công nghệ mới và liên kết thực hiện các nghiên cứu ứng dụng.

HTX nông nghiệp Nhật Bản có vai trò rất quan trọng trong đóng góp phát triển nông nghiệp. Chính phủ Nhật Bản rất coi trọng thể chế HTX và ban



hành nhiều chính sách phát triển và mở rộng nhằm thông qua đó có thể giúp người nông dân nâng cao thu nhập. Tuy nhiên, các HTX nông nghiệp ở Nhật Bản thời kỳ mới thành lập cũng đối mặt với rất nhiều khó khăn như trình độ quản lý yếu kém, thiếu vốn, thiếu sự trao đổi thông tin giữa các thành viên HTX, chính sách của Chính phủ đối với hoạt động của HTX chưa rõ ràng và chưa mang lại hiệu quả, đất đai của các thành viên HTX rất manh mún, liên kết các hoạt động trong HTX kém hiệu quả... Trong quá trình xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, để giải quyết những bất cập nói trên, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành các chính sách thúc đẩy HTX phát triển như: i) Chính sách tái cấu trúc tổ chức HTX; ii) chính sách quy hoạch vùng và theo hướng mỗi làng một sản phẩm (One-village One product); iii) Chính sách phát triển khoa học công nghệ; iv) chính sách phát triển công nghiệp chế biến với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm và tăng giá trị nông sản; v) chính sách khuyến nông nhằm tăng cường năng lực cho các thành viên của HTX; vi) chính sách tổ chức tiêu thụ nông sản qua chợ đầu giá.

Để HTX hoạt động hiệu quả, với tinh thần chủ đạo là tương trợ lẫn nhau, các hộ xã viên đóng góp cổ phần và thông qua đại hội xã viên bầu ra Ban quản lý HTX. Do tự nguyện liên kết hoạt động một cách có tổ chức, các hoạt động kinh tế của xã viên được HTX quản lý một cách thường xuyên liên tục và HTX nông nghiệp có thể huy động xã viên giúp đỡ vô điều kiện cho HTX.

Một đặc điểm nổi bật khác của HTX nông nghiệp Nhật Bản đó là hình thức hợp tác trong phân phối chứ không hợp tác trong sản xuất. HTX nông nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện hai nhiệm vụ chủ yếu: i) Cung cấp cho nông dân các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp như phân bón, hóa chất nông nghiệp, thức ăn, trang thiết bị sản xuất và kỹ thuật cho sản xuất trồng trọt và chăn nuôi gia súc cũng như các hàng hóa cần dùng cho nông hộ; ii) giúp nông dân tiêu thụ các sản phẩm bằng cách thu gom, bảo quản dự trữ và bán các sản phẩm nông nghiệp và vật nuôi dựa vào mạng lưới tiêu thụ sản phẩm quốc gia và quốc tế.

Mặc dù HTX là một tổ chức kinh tế nhưng đối với các HTX vai trò của



các tổ chức đoàn thể rất được coi trọng minh chứng là Hội phụ nữ có ở hầu hết các HTX nông nghiệp, còn Đoàn thanh niên thì được tổ chức ở nhiều HTX.

Một chính sách đáng lưu ý là quy hoạch vùng và theo hướng mỗi làng một sản phẩm (One village-One product). Các thành viên của HTX được khuyến khích sản xuất những sản phẩm đặc trưng của vùng, cung cấp tất cả các hỗ trợ kỹ thuật và xúc tiến sản phẩm. Đây có thể xem là một trong những chính sách có giá trị thực tiễn hỗ trợ các HTX khởi nghiệp.

Các HTX nông nghiệp Nhật Bản được tổ chức theo ba cấp: Liên đoàn toàn quốc HTX nông nghiệp; Liên đoàn HTX nông nghiệp tỉnh; HTX nông nghiệp cơ sở. Các HTX nông nghiệp cơ sở gồm hai loại: đơn chức năng và đa chức năng. Từ năm 1961 trở về trước các HTX đơn chức năng khá phổ biến. Nhưng từ năm 1961 trở về đây, do chính phủ Nhật Bản khuyến khích hợp nhất các HTX nông nghiệp nhỏ thành HTX nông nghiệp lớn, nên mô hình hoạt động chủ yếu của HTX nông nghiệp Nhật Bản hiện nay là đa chức năng. Các

HTX nông nghiệp đa chức năng chịu trách nhiệm đối với nông dân trên tất cả các lĩnh vực dịch vụ như cung cấp nông cụ, tín dụng, mặt hàng, giúp nông dân chế biến, tiêu thụ sản phẩm và bảo hiểm cho hoạt động của nông dân. Có thể thấy ưu nhược điểm của HTX nông nghiệp Nhật Bản qua phân tích cơ chế quản lý và chức năng hoạt động của chúng.

Các HTX nông nghiệp đa chức năng của Nhật bản thường đảm đương các nhiệm vụ sau: i) Cung cấp dịch vụ hướng dẫn nhằm giáo dục, hướng dẫn nông dân trồng trọt, chăn nuôi có năng suất, hiệu quả cao cũng như giúp họ hoàn thiện kỹ năng quản lý hoạt động sản xuất.

ii) Giúp nông dân tiêu thụ hàng hóa có lợi nhất. Do đó, mặc dù các HTX nông nghiệp là đơn vị hạch toán độc lập nhưng các HTX không đặt lợi nhuận là mục tiêu hàng đầu mà chủ yếu là trợ giúp nông dân. Các hình thức giao dịch giữa HTX với nông dân khá linh hoạt.

Để nâng cao khả năng cạnh tranh hàng nông sản do HTX tiêu thụ, HTX đã đề nghị nông dân sản xuất theo kế hoạch với chất lượng và tiêu chuẩn

thống nhất với nhau và ưu tiên bán cho HTX. Tỷ lệ hoa hồng HTX chiết khấu của xã viên thấp nhằm tiết giảm chi phí và tăng cạnh tranh của sản phẩm. Các HTX tiêu thụ nông sản theo quy mô lớn, không chỉ ở chợ địa phương mà thông qua liên đoàn tiêu thụ trên toàn quốc với các khách hàng lớn như công ty, bệnh viện... HTX đã mở rộng hệ thống phân phối hàng hóa khá tốt ở Nhật Bản.

HTX cung ứng hàng hóa cho xã viên theo đơn đặt hàng và theo giá thống nhất và hợp lý. Các HTX đã đạt đến trình độ cung cấp cho mọi xã viên trên toàn quốc hàng hóa theo giá cả như nhau, nhờ đó giúp cho những người ở các vùng xa xôi có thể có được hàng hóa mà không chịu cước phí quá đắt.

HTX nông nghiệp cung cấp tín dụng cho các xã viên của mình và nhận tiền gửi của họ với lãi suất thấp. Các khoản vay có phân biệt: cho xã viên khó khăn vay với lãi suất thấp, nếu có trợ cấp chính phủ cho HTX thì khoản này được dùng để bù vào phần lỗ do lãi suất cho vay thấp. Ở Nhật Bản, HTX nông nghiệp cũng được phép sử dụng tiền gửi của xã viên để kinh doanh, một ngân hàng HTX

nông nghiệp được thành lập và hoạt động để giúp các HTX quản lý số tín dụng cho tốt và được quyền cho các tổ chức kinh tế công nghiệp vay nhằm phục vụ phát triển nông nghiệp.

HTX nông nghiệp còn sở hữu các phương tiện sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản để tạo điều kiện giúp nông dân sử dụng các phương tiện này hiệu quả nhất, hạn chế sự chi phối của tư nhân. Hơn nữa, các HTX còn là diễn đàn để nông dân kiến nghị Chính phủ các chính sách hợp lý cũng như tương trợ lẫn nhau giữa các HTX và địa phương. Các HTX nông nghiệp Nhật Bản còn tiến hành các nhiệm vụ giáo dục xã viên tinh thần HTX thông qua các tờ báo, phát thanh, hội nghị, đào tạo, tham quan ở cả ba cấp HTX nông nghiệp cơ sở, tỉnh và Trung ương.

Như vậy, có thể thấy rằng HTX nông nghiệp Nhật Bản đã phát triển từ các đơn vị đơn năng đến ngày nay trở thành các đơn vị đa năng dịch vụ mọi mặt cho nhu cầu của nông dân và tổ chức liên kết quy mô lớn toàn quốc. Một nước công nghiệp hóa như Nhật Bản, hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp hiệu quả vẫn là hộ gia đình, do

đó HTX nông nghiệp, một mặt được thành lập để hỗ trợ nông dân, giúp cho họ vừa nâng cao hiệu quả sản xuất, vừa cải thiện cuộc sống ở nông thôn, mặt khác vẫn tôn trọng mô hình kinh tế nông hộ và chỉ thay thế hộ nông dân và tư thương ở khâu nào HTX tỏ ra có ưu thế hơn hẳn trong tương quan với mục tiêu hỗ trợ nông dân.

## **2. Kinh nghiệm phát triển HTX của Hàn Quốc**

(i) Năm 1961, nhận thấy lực lượng nông dân có ý nghĩa sống còn về kinh tế và chính trị với đất nước, Chính phủ Hàn Quốc đã thiết lập Liên đoàn HTX nông nghiệp Quốc gia (NACF) dựa trên hai tổ chức hoạt động độc lập lúc đó là Ngân hàng nông nghiệp và tổ chức HTX cũ. Sau đó, Liên đoàn tiến hành thiết lập mạng lưới HTX từ trung ương xuống cơ sở nhằm thực hiện hai mục tiêu cơ bản: i) Cung cấp vốn cho nông dân. Trong giai đoạn này, thị trường vốn hoạt động yếu, đặc biệt trên địa bàn nông thôn, nông dân thường phải vay nặng lãi, ảnh hưởng xấu tới sản xuất và đời sống. Do đó, chính phủ Hàn Quốc đã ban hành luật cấm cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn và thông qua hoạt động của các HTX

nông nghiệp hỗ trợ vốn cho nông dân mua nguồn vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất.

ii) Tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Để thúc đẩy đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp như một biện pháp nâng cao đời sống của cộng đồng nông thôn, Chính phủ tạo điều kiện cho các HTX nông nghiệp mở rộng vai trò trong hoạt động tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm. Hoạt động của các HTX trong những năm đầu của thập kỷ 1960 không phát triển do 3 nguyên nhân sau: a) Việc xây dựng hệ thống HTX là sự áp đặt từ trên xuống, không đáp ứng nhu cầu của nông dân. Việc thành lập NACF không gặp trở ngại do quyết tâm và sự đầu tư tập trung của Chính phủ, tuy nhiên cách làm này không xuất phát từ nhu cầu tự phát của nông dân, họ chưa cảm nhận được sự cần thiết của việc tham gia HTX; b) trình độ sản xuất thấp. Trong thời kỳ này, sản xuất nông nghiệp Hàn Quốc chưa phát triển, mang tính tự cung tự cấp, sản lượng hàng hóa thấp. Do đó, nhu cầu của nông dân đối với các hoạt động dịch vụ hỗ trợ không cao; iii) quy mô các HTX cơ có quy mô hoạt động nhỏ, thiếu vốn, do đó không thể đóng

vai trò chủ đạo và có tác động rõ nét đến hoạt động kinh tế của nông dân.

Từ năm 1980, hệ thống HTX nông nghiệp không ngừng hoàn thiện về tổ chức và hình thức hoạt động và đến nay đã rất hoàn chỉnh. NACF có nhiều chức năng của một tổ chức kinh doanh đa ngành, từ tiếp thị sản phẩm, chế biến, cung cấp vật tư nông nghiệp, hàng tiêu dùng, tín dụng và bảo hiểm, vận tải, lưu kho, quảng canh và các dịch vụ hỗ trợ cho 5 triệu nông dân, nắm giữ 40% thị phần nông phẩm trong nước và là một ngân hàng có số tiền gửi lớn nhất trong nước, tổng số lao động làm việc trong các cơ sở của liên đoàn là 17.806 người và 51.231 nhân viên làm việc trong các HTX.

Hiện nay, phong trào HTX ở Hàn Quốc phát triển rất mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp, tín dụng và nghề cá. Hàn Quốc có khoảng 1.239 HTX nông nghiệp gồm các HTX dịch vụ nông nghiệp, sản xuất cây lương thực, chăn nuôi gia súc và hơn 88 HTX chuyên trồng cây ăn quả, hoa, rau, nhân sâm, thu hút 100% nông dân tham gia làm xã viên với khoảng 2,4 triệu người. Tất cả các HTX này đều là

thành viên của Liên đoàn HTX nông nghiệp Hàn Quốc, tạo thành một hệ thống thống nhất triển khai các dịch vụ hỗ trợ nông dân từ khâu lập kế hoạch và hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, cung ứng nguyên vật liệu đầu vào, chế biến và tiêu thụ nông sản cho đến cung cấp các dịch vụ ngân hàng và bảo hiểm. Hệ thống HTX nông nghiệp hiện có 4600 các chợ và cửa hàng bán nông sản trên cả nước giúp tiêu thụ sản phẩm cho nông dân với tổng doanh số đạt 37 ngàn tỷ won/năm; 5.041 văn phòng, các điểm giao dịch phục vụ các hoạt động ngân hàng trên toàn quốc với 36 triệu khách hàng, chiếm 67% dân số Hàn Quốc. Dưới sự hỗ trợ của Liên đoàn quốc gia, các HTX nông nghiệp được xây dựng thành những trung tâm tài chính, văn hóa và phúc lợi của địa phương, đáp ứng các nhu cầu đa dạng của nông dân và người dân nông thôn.

Là quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển ở Đông Bắc Á, một nền kinh tế công nghiệp phát triển nhưng Hàn Quốc vẫn bảo đảm công việc và thu nhập của số lao động nông nghiệp chiếm 11,6% lao động Hàn Quốc. Cũng như nhiều quốc gia châu

Á, các nông trại gia đình của Hàn Quốc là đơn vị kinh tế tự chủ nhưng quy mô trang trại nhỏ, bình quân chỉ có 1,3ha/hộ. Cho đến năm 1960, nông nghiệp vẫn chiếm 1/2 GDP của nền kinh tế và 1/2 lao động, nhưng đến năm 2000 chỉ chiếm 4,4% GDP, năm 2002 chiếm 3,5% và sử dụng 2,3 triệu lao động. Nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn là vấn đề nhạy cảm của các quốc gia công nghiệp hóa, nông nghiệp của Hàn Quốc có bước chuyển mạnh sang các hoạt động dịch vụ để nông dân tiếp cận với thị trường, nâng giá trị sản phẩm nông nghiệp trong nền kinh tế, có khả năng cạnh tranh với sức ép mở cửa thị trường sản phẩm nông nghiệp trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế. Hàn Quốc có khả năng cân đối lương thực, trong điều kiện nhu cầu lương thực giảm và đòi hỏi chất lượng lương thực cao. Việc nhập khẩu gạo

phải theo cam kết WTO, tiêu dùng sản phẩm rau tăng lên và nông dân phải đối mặt với sản phẩm rau quả nhập từ Trung Quốc.

Từ năm 1980, hệ thống HTX nông nghiệp không ngừng hoàn thiện về tổ chức và hình thức hoạt động và đến nay đã rất hoàn chỉnh. Cơ quan đứng đầu của Hệ thống là NACF, trong đó có hai nhánh là HTX cơ sở và HTX ở đô thị. Chủ nhiệm HTX do xã viên bầu. Chủ tịch và Kiểm toán viên chính của NACF do các chủ nhiệm HTX cơ sở bầu lên. Các thành viên khác của ban lãnh đạo NACF được Chủ tịch đề cử và hội nghị đại biểu của chủ nhiệm HTX cơ sở chấp thuận. NACF có nhiều chức năng của một tổ chức kinh doanh đa ngành, từ tiếp thị sản phẩm, chế biến, cung cấp vật tư nông nghiệp, hàng tiêu dùng, tín dụng và bảo hiểm, vận tải, lưu kho, quảng canh và các dịch vụ hỗ trợ cho 5 triệu nông dân.

**Nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn là vấn đề nhạy cảm của các quốc gia công nghiệp hóa, nông nghiệp của Hàn Quốc có bước chuyển mạnh sang các hoạt động dịch vụ để nông dân tiếp cận với thị trường, nâng giá trị sản phẩm nông nghiệp trong nền kinh tế, có khả năng cạnh tranh với sức ép mở cửa thị trường sản phẩm nông nghiệp trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.**

*Thứ nhất, HTX giúp mở rộng chế biến sản phẩm nông nghiệp để tăng tốc độ tiêu thụ hàng nông sản.* Ngành nông nghiệp Hàn Quốc đã và đang phải đối mặt với khó khăn, thách thức, do đó NACF đã chủ động xây dựng một chương trình tiêu thụ sản phẩm. Các HTX nông nghiệp của Hàn Quốc rất chú trọng đến việc nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng cho sản phẩm để cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu, qua đó tăng giá trị nông sản, tạo thu nhập và việc làm cho dân cư nông thôn và tăng khả năng cạnh tranh của hàng nông sản. Số lượng nhà máy chế biến nông sản hiện đại với quy mô lớn trên toàn quốc tăng từ 9 năm 1988 lên 153 năm 1998; Khoa công nghệ thực phẩm đã được thành lập tại nhiều trường Đại học Hàn Quốc vào năm 1991 để đào tạo các chuyên gia trong lĩnh vực chế biến nông sản cho các HTX.

Chế biến là con đường tăng giá trị nông sản, lấy lãi từ các nhà máy này để tái đầu tư cho các HTX thành viên và tăng giá trị thu mua nông sản. NACF đã tổ chức nhiều nhà máy chế biến gạo, kim chi, chè, đậu tương, tinh bột, tinh dầu. Với công nghệ hiện đại, sản

phẩm có phong cách riêng nên thị trường của NACF đã mở rộng ra nhiều quốc gia, phục vụ món ăn kim chi, đồ uống, gạo, rau, hoa quả, sâm,... cho các hãng hàng không quốc tế như hàng Hàng không Quốc gia Hàn Quốc, Hàng không châu Á,...

*Thứ hai, HTX nông nghiệp giúp tiếp thị hàng nông sản của Hàn Quốc.* NACF đã tập trung phát triển hoạt động thị trường nông sản (TTNS). Trong NACF có Trung tâm bán buôn và phân phối nông sản chịu trách nhiệm nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản và bảo vệ thị trường nhằm đưa sản phẩm của HTX đến với người tiêu dùng. Hệ thống này bao gồm các tổ hợp thương mại, kho tàng hiện đại, cửa hàng bán buôn, bán lẻ, chợ nông dân.

NACF đã tổ chức hệ thống tiêu thụ gồm 99 trung tâm bán buôn nông sản và 12 “Câu lạc bộ Hanaro” - cửa hàng giảm giá lưu kho cho các thành viên và 2.206 “Hanaro Mart” - siêu thị cho những người không phải là xã viên và các tổ hợp tiếp thị nông sản. Mô hình này đã giảm chi phí tiếp thị đơn lẻ, của các thành viên, mặt khác các thành viên bán sản phẩm ổn định với mức

giá có lợi. Năm 1997, NACF đổi mới phương thức bán sản phẩm đến tay người tiêu dùng bằng cách xây dựng 8 tổ hợp phân phối hàng nông sản liên kết với các nhà phân phối khác cùng với công nghệ phân loại, sơ chế, bảo quản, bao gói,... ở Seoul và các thành phố lớn trên toàn quốc.

Diện tích lãnh thổ Hàn Quốc nhỏ, NACF đã tổ chức hữu hiệu cơ chế “mua tận gốc, bán tận ngon”, đầu tư các xe chuyên dùng cùng với các trung tâm thu mua mới. NACF quản lý một mạng lưới dịch vụ vận chuyển nông sản từ cửa nông trại đến người tiêu dùng với 1.500 ô tô chuyên dụng, 1.108 trung tâm tập trung hàng, hỗ trợ cho 20,5 ngàn nhóm vận chuyển hàng hóa của các HTX nông nghiệp. Cơ chế tái phân phối lợi nhuận cho quỹ hỗ trợ vận tải hàng hóa của HTX đã làm tăng giá trị nông sản hàng hóa của hợp tác xã, tăng tỷ trọng hàng hóa của HTX chiếm đến 70% doanh số bán hàng nông sản của NACF. NACF chú trọng các nhu cầu cá biệt của khách hàng là người nước ngoài, nhu cầu trong các ngày lễ, nhu cầu của chính nông dân mỗi vùng, mở ra các kênh tiêu thụ hướng dẫn sản xuất, phân loại sản

phẩm, chuẩn bị chân hàng kịp thời vụ. Bên cạnh đó, NACF đã mở Trung tâm buôn bán hàng nông sản tại New York, Hoa Kỳ và Nhật Bản.

Việc kinh doanh nông sản của NACF giải quyết tốt yêu cầu căn bản là tiêu thụ nông sản cho nông dân và đáp ứng nhu cầu của thị trường, giảm tối thiểu chi phí lưu thông hao hụt mất mát, do đó, hiện nay, Liên đoàn quản lý một hệ thống doanh nghiệp kinh doanh nông sản lớn nhất và cạnh tranh mạnh nhất, nắm giữ 40% thị phần buôn bán nông sản trên thị trường Hàn Quốc.

### **3. Kinh nghiệm phát triển HTX của Israel**

Israel là một nước nhỏ ở Trung Đông có điều kiện tự nhiên vô cùng khắc nghiệt, 2/3 diện tích lãnh thổ là sa mạc, còn lại là đồi núi đá trọc, khí hậu nơi đây cực kỳ khô hạn không thích hợp cho nông nghiệp. Khoảng 1/4 diện tích Israel là đất nông nghiệp. Mặc dù lao động trong nông nghiệp chỉ chiếm 3,7% tổng lực lượng lao động trong nước, Israel tự sản xuất được 95% nhu cầu thực phẩm, phần còn lại được bổ sung từ việc nhập khẩu ngũ cốc, các loại hạt lấy dầu, thịt,



cà phê, ca cao, đường. Tổng diện tích đất canh tác đã tăng từ 1.650 km<sup>2</sup> (năm 1948) lên 4.300 km<sup>2</sup> hiện nay, số cộng đồng nông nghiệp tăng từ 400 lên 725. Sản lượng nông nghiệp tăng 16 lần, nhanh gấp 3 lần tốc độ tăng dân số (Russell A. Stone, 2020).

Israel là nơi khai sinh ra hai loại hình cộng đồng nông nghiệp độc đáo, cộng đồng HTX Kibbutz và Moshav (Russell A. Stone, 2020; FAO, 2013). Kibbutz- được hình thành từ năm 1949 và tồn tại cho đến ngày nay, theo tiếng Do Thái có nghĩa là “tổ hợp” hay là “hợp tác xã”, một hình thức tổ chức kinh tế nông - công nghiệp nông thôn độc nhất vô nhị trên thế giới đang tồn tại ở Israel.

Hiện nay trên toàn đất nước Israel có khoảng 270 Kibbutz, trung bình mỗi Kibbutz này có trên dưới 300 xã viên, hoạt động tương tự như nhau, sở hữu những cánh đồng trồng cây nông

ng nghiệp, trại chăn nuôi gia súc, các nhà máy chế biến sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp nhẹ như sản xuất bột giặt, đồng hồ đo nước xuất khẩu, van và khớp nối ống nước... Kiến trúc Kib-

**Israel là nơi khai sinh ra hai loại hình cộng đồng nông nghiệp độc đáo, cộng đồng HTX Kibbutz và Moshav. Kibbutz- được hình thành từ năm 1949 và tồn tại cho đến ngày nay, theo tiếng Do Thái có nghĩa là “tổ hợp” hay là “hợp tác xã”, một hình thức tổ chức kinh tế nông - công nghiệp nông thôn độc nhất vô nhị trên thế giới đang tồn tại ở Israel.**

butz theo hình tròn, tâm điểm là các công trình công cộng. Tòa đều ra từ trung tâm là các hộ dân, mỗi hộ được chia 4,5 ha đất. Phần giáp trung tâm là nhà ở, phía sau là đất canh tác hay chăn nuôi. Lãnh đạo Kibbutz gồm một hội đồng 21 người do tất cả xã viên trên 18 tuổi bầu, Hội đồng bầu chọn chủ nhiệm. Chủ nhiệm là người duy nhất có lương, chịu trách nhiệm điều phối mọi hoạt động của Kibbutz trong nhiệm kỳ 4 năm.

Kibbutz là mô hình kinh tế đặc biệt với nguyên tắc đặc trưng “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”, trong đó tài sản và các phương tiện sản xuất được sở hữu chung và mọi quyết định được hội đồng các thành viên bỏ phiếu tán thành. Trong Kibbutz, các thành

viên có trách nhiệm và tận tụy với cộng đồng, mặt khác họ được đáp ứng mọi nhu cầu từ lúc sơ sinh đến khi về già. Mọi thành viên thuộc gia đình các xã viên Kibbutz đều được ăn miễn phí hàng ngày hai bữa sáng và trưa tại một bếp ăn tập thể ở giữa làng tổ chức theo hình thức phục vụ món ăn tự chọn, riêng bữa tối, các gia đình tổ chức ăn ở nhà để cho gần bó tình cảm giữa các thành viên trong gia đình mình.

Các xã viên Kibbutz không cần phải mua xe ô tô riêng. Mỗi Kibbutz đã mua khoảng 60 ô tô con các loại để tại một bãi xe có người trông coi. Nếu xã viên nào cần dùng xe, chỉ việc vào website của Kibbutz rồi tìm chọn những xe nào còn rồi thì cứ việc tới bãi xe lấy chìa khoá ô tô mình cần để dùng thoải mái theo nhu cầu. Xăng, sửa chữa và các chi phí khác cho xe do Kibbutz chịu trách nhiệm. Trường hợp cần xe lớn hơn những chiếc xe có sẵn, xã viên có thể yêu cầu ban quản lý xe đi thuê theo yêu cầu của mình, Kibbutz sẽ thanh toán cho tiền thuê đó. Kibbutz xây dựng và cấp miễn phí nhà ở cho các gia đình xã viên. Khi cần xây dựng mở rộng và cải tạo theo ý mình, chủ nhà trao đổi với ban quản trị sẽ có đội xây dựng đến

thực hiện theo yêu cầu của chủ nhà, Kibbutz thanh toán chi phí.

Kibbutz cấp miễn phí hoặc trả toàn bộ tiền điện, nước, gas cho các gia đình xã viên. Con em xã viên được Kibbutz cấp học bổng toàn phần cho thời gian học 12 năm phổ thông và đại học trong nước. Khi các xã viên và con cái họ ốm đau, Kibbutz chịu trách nhiệm thanh toán hoàn toàn mọi chi phí về y tế căn cứ vào thực tế chữa bệnh theo nhu cầu.

Xã viên Kibbutz được nghỉ hưu theo quy định chung của nhà nước ở tuổi 69 đối với nam giới, 67 đối với nữ giới. Nhưng ở Kibbutz nếu muốn, xã viên có thể tiếp tục làm việc trong thời gian tùy thích. Khi tuổi già, sức yếu hoặc bệnh tật, xã viên được đến trại dưỡng lão miễn phí hoặc được Kibbutz thuê người lao động nước ngoài đến chăm sóc tại gia đình. Ngoài các hưởng thụ theo nhu cầu do Kibbutz chi phí, mỗi xã viên được nhận phụ cấp 350 USD/tháng (1.300 shekol/tháng) để chi phí cá nhân. Mức phụ cấp này bằng nhau đối với tất cả mọi người, không phân biệt vị trí công tác của xã viên dù là giám đốc, chủ nhiệm hay người lao động bình thường.

Moshav cũng là một loại hình HTX nông nghiệp độc đáo của Israel. Đây là một làng nông nghiệp trong đó mỗi gia đình đều duy trì trang trại riêng của mình. Hợp tác giữa các thành viên trong Moshav được áp dụng trong việc mua bán, tiếp thị và cung cấp các dịch vụ cho cộng đồng, chính họ cung cấp phần lớn lượng nông sản cho đất nước. Moshav thực chất là một dạng tổ chức HTX phức tạp của Israel, bao gồm năm thành tố:

(1) Là một tập thể hợp tác toàn diện trên mười lăm phương diện: tín dụng và tiết kiệm, kế toán, hưu trí, bảo hiểm, cung cấp nguyên liệu đầu vào, sản xuất, tưới tiêu, tích trữ hàng, xử lý sản phẩm, tiếp thị, tiêu thụ, xây dựng, nhà ở, vận tải và các dịch vụ kỹ thuật;

(2) Mỗi Moshav gắn liền với một làng mạc nào đó và mọi dân làng đều là thành viên. Vì vậy, danh tính của Moshav cũng chính là danh tính của một làng cùng toàn thể cộng đồng cư dân;

(3) Moshav cung cấp toàn diện những dịch vụ cần thiết cho cộng đồng, gồm giáo dục, tôn giáo, văn hóa, hoạt động xã hội, phong trào thanh thiếu niên, thể thao, y tế, công viên, xử lý rác

thải, ánh sáng công cộng, đường sá và các tiện ích cho người cao tuổi. Trưởng làng là người chịu trách nhiệm trong cung cấp các dịch vụ cộng đồng này cũng đồng thời là chủ nhiệm hợp tác xã;

(4) Các thành viên trong cộng đồng đều phải tự nguyện sống trong Moshav và tham gia các hoạt động của nó. Tuy nhiên, mỗi cá nhân tự lựa chọn cách thức làm việc của mình trong mọi khía cạnh công việc, làm những gì họ thấy là hợp lý và phù hợp nhất cho khả năng của mình;

(5) Các thành viên trong Moshav chia sẻ trách nhiệm và hỗ trợ lẫn nhau, đặc biệt là khi có khó khăn. Sự chia sẻ trách nhiệm giữa các thành viên cho phép vận hành một cơ chế tín dụng hợp tác, trong đó các thành viên cùng tham gia vay các khoản tín dụng và cùng chia sẻ nghĩa vụ thanh toán.

#### **4. Kinh nghiệm phát triển HTX của Đức**

(i) CHLB Đức được coi là một trong những chiếc nôi đầu tiên của mô hình kinh tế HTX ở châu Âu. Từ những năm 40 của thế kỷ 19, Friedrich Wilhelm và SchlulzeDelitz đã có ý tưởng về mô hình kinh tế HTX (Deutschland (2015)). Mô hình này ngay sau đó được thành lập và

phổ biến ở một số địa phương. Mặc dù là một nước công nghiệp phát triển, trong quá trình phát triển nông nghiệp hiện đại, một nửa diện tích đất phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, cả nước Đức có hơn 3000 hợp tác xã, thu hút khoảng 2,2 triệu thành viên. Ngoài dịch vụ cung cấp cho thành viên ra, các HTX nông nghiệp tạo ra khoảng 150.000 việc làm trực tiếp.

(ii) Các HTX nông nghiệp của CHLB Đức hoạt động đa dạng ở tất cả các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ khác nhau trong ngành nông nghiệp cũng như ở các ngành nghề khác như dịch vụ quản lý chợ, dịch vụ vệ sinh, dịch vụ vật liệu xây dựng, dịch vụ sấy khô, đóng gói sản phẩm, dịch vụ than, dầu đốt, tiết kiệm - tín dụng nội bộ... Trong đó có: Lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp tổng hợp 29,02%, lĩnh vực mua bán nông nghiệp 13,3%, lĩnh vực sữa và sản phẩm sữa 9,44%, lĩnh vực trồng và bảo quản nho 6,96%, lĩnh vực cung cấp nước sạch 4,33%, lĩnh vực chăn nuôi và chế biến sản phẩm thịt 3,07%, lĩnh vực chế biến rau, quả 2,26%, lĩnh vực trồng cỏ và chế biến thức ăn gia súc 2,13%, lĩnh vực cung cấp điện 1,63%, lĩnh vực dịch vụ máy nông nghiệp 1,51%, lĩnh

vực thủy hải sản 1,13%, lĩnh vực hoa, cây cảnh 0,94%, lĩnh vực bánh mì, bánh ngọt 0,72%, lĩnh vực dịch vụ nhà kho, nhà đông lạnh 0,53%, lĩnh vực chế biến rượu nho 0,31% và các lĩnh vực khác là 23,7%.

Các HTX nông nghiệp của Đức hiện đang nắm thị phần cao đối với rất nhiều sản phẩm nông nghiệp quan trọng, chẳng hạn như 70% thị phần sản phẩm thịt chế biến, hơn 60% thị phần của các sản phẩm sữa, hơn 30% thị phần rượu nho,... Các dịch vụ của HTX ở Đức gồm: i) Cung cấp các dịch vụ đầu vào như cung cấp dịch vụ thủy nông, điện, cung cấp nguyên vật liệu sản xuất nông nghiệp như hạt giống, cây giống, con giống, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc...; ii) các dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, chú trọng hỗ trợ về gia công, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm của thành viên với giá tốt nhất, có lợi nhất cho thành viên. Nhiều HTX nông nghiệp đã xây dựng được các xưởng sản xuất, nhà máy hiện đại để chế biến sản phẩm của nông dân thành các thành phẩm có giá trị thương mại cao.

(iii) Chú trọng định hướng, tư vấn và hỗ trợ thành viên của mình trong việc trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất, chế

biến theo đúng các tiêu chuẩn, quy định cần thiết. Bởi lẽ theo xu thế chung của thị trường, các loại nông sản sinh thái, các sản phẩm lương thực, thực phẩm “sạch” ngày càng được ưa chuộng và có giá trị thương mại cao. Do đó các sản phẩm thịt “sạch”, sữa “sạch”, rau quả “sạch”... mang thương hiệu HTX đang là những sản phẩm rất có lợi thế trên thị trường tiêu dùng ở Đức, giúp người nông dân tiêu thụ sản phẩm làm ra tốt hơn, hiệu quả hơn, mặc dù cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt hơn.

### **5. Một số giá trị tham khảo cho phát triển HTX ở Việt Nam**

*Thứ nhất*, KTTT, mà trọng tâm là HTX là một thực thể tồn tại khách quan, độc lập với các chủ thể và thành phần kinh tế khác. KTTT, HTX vẫn phát triển mạnh ở các nền kinh tế có trình độ phát triển cao như Đức, Hà Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc,...

*Thứ hai*, KTTT, HTX có đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế. Do đó, HTX cần được thiết lập cơ cấu tổ chức HTX phù hợp trình độ phát triển kinh tế. Thiết lập một cơ cấu tổ chức HTX phù hợp là rất quan trọng. Tổ chức HTX nông nghiệp cấp quốc gia

hoặc cấp vùng không phải là cấp trên của các HTX ở làng, xã mà là tổ chức tạo ra sự hợp tác giữa các HTX cơ sở với nhau, cũng như tạo ra sự hợp tác giữa các HTX cơ sở với các tổ chức, doanh nghiệp liên quan nhằm cung cấp thông tin thị trường cho người nông dân để họ có thể sản xuất đúng cái mà thị trường cần, tạo thị trường rộng lớn cho HTX, phát huy lợi thế nhờ quy mô, thúc đẩy số người tự. Kinh nghiệm phát triển HTX nông nghiệp thành công ở các nước cho thấy thiết lập cơ cấu tổ chức phù hợp là một trong những nguyên nhân thành công cơ bản của các mô hình này. Trừ những trường hợp đặc biệt như ở CHLB Đức và Israel thì không một đất nước nào có phong trào HTX nông nghiệp thành công chỉ với việc hình thành duy nhất các HTX nông nghiệp cơ sở ở cấp thôn, xã hay thị trấn.

Cơ cấu tổ chức của mỗi HTX nông nghiệp cơ sở về cơ bản ở các nước đều giống nhau. Tất cả các HTX nông nghiệp thành công đều thực hiện nguyên tắc dân chủ, tránh sự áp đặt của một cá nhân, nhóm xã viên hay một tổ chức nào trong hợp tác xã, đồng thời thực hiện phân phối đều lợi

ích thu được. Các HTX nông nghiệp được thành lập theo nguyên tắc góp cổ phần thì tỷ lệ cổ phần của các thành viên luôn được duy trì ở mức dưới 3% vốn điều lệ nhằm tránh gây sức ép về vốn trong quá trình hoạt động theo kinh nghiệm ở CHLB Đức.

Các HTX nông nghiệp hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, duy trì hình thức chỉ bầu ban quản trị, ban chủ nhiệm và các ban chuyên môn khác từ các xã viên thường xuyên. Điều này vừa nhằm phát huy thế mạnh nông nghiệp địa phương, vừa tránh được sức ép của các thành viên đến từ địa phương khác, khu vực khác thành thị vốn có những thế mạnh lớn hơn cư dân địa phương, nơi hình thành HTX. Đáng chú ý là các chi phí hoạt động của các cơ quan quản lý HTX nông nghiệp đều ở mức thấp nhất có thể; chỉ chủ nhiệm được hưởng lương và làm toàn thời gian, các thành viên quản lý khác đều kiêm nhiệm và không hưởng lương trong nhiều trường hợp.

Cơ cấu tổ chức HTX theo nguyên tắc hợp tác cùng có lợi dựa trên sự tự chủ, sáng tạo của mỗi thành viên cũng được triệt để tôn trọng, góp phần làm nên sự thành công của mô hình HTX

nông nghiệp của nhiều nước trên thế giới. Trừ mô hình Kibbutz của Israel ra, xã viên của tất cả các mô hình HTX nông nghiệp thành công khác đều làm chủ tư liệu sản xuất của mình, tự do sáng tạo trên mảnh đất của mình theo định hướng phát triển sản xuất thống nhất của HTX.

*Thứ ba*, tận dụng và khai thác thế mạnh của các thành phần kinh tế trong xã hội. Các mô hình HTX nông nghiệp thu được nhiều thành công trên thế giới đều biết cách tận dụng thế mạnh liên kết của các đơn vị, tổ chức và các thành phần kinh tế khác nhau trong xã hội. Ngoài việc liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp ở các lĩnh vực khác nhau như tín dụng, kinh doanh... việc không hạn chế các xã viên liên kết trong các HTX nông nghiệp Nhật Bản hay việc coi xã viên là những khách hàng của mình như các HTX nông nghiệp của CHLB Đức đã tạo ra khả năng tận dụng các thế mạnh đến từ rất nhiều thành phần kinh tế khác nhau trong xã hội.

Những thành viên liên kết này vừa chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, thông tin trung thực các tín hiệu thị trường góp phần định hướng sản xuất của HTX,

vừa là những tổ chức tiêu thụ sản phẩm của HTX một cách phù hợp và hiệu quả. Nhờ kết hợp các thông tin thị trường và thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của các thành viên HTX mà HTX nông nghiệp có thể thực hiện các dịch vụ hỗ trợ sản xuất từ đầu vào đến khi tiêu thụ sản phẩm của xã viên một cách tốt nhất, hiệu quả nhất, đem lại lợi ích kinh tế cho cả xã viên và HTX.

Ngoài ra, việc liên kết chặt chẽ các xã viên trong HTX nông nghiệp còn tạo ra khả năng tận dụng hết công suất của máy móc, thiết bị, tư liệu sản xuất và cơ sở vật chất sẵn có khiến cho chi phí sản xuất nông sản giảm đến mức thấp nhất có thể, tạo điều kiện nâng cao tính cạnh tranh, khả năng tiêu thụ nông sản và nâng cao lợi ích, thu nhập của xã viên. Phát huy sức mạnh nội tại của các dịch vụ hỗ trợ cho sản xuất của xã viên HTX nông nghiệp là một trong những chìa khóa tạo nên sự phát triển bền vững của mô hình HTX.

*Thứ tư*, thực hiện hỗ trợ thị trường tiêu thụ sản phẩm của nông dân. Tiêu thụ sản phẩm do người nông dân làm ra là vấn đề khó khăn, nan giải và cần thiết nhất đối với nông dân, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt trên

thị trường như hiện nay. Nhiều mô hình HTX nông nghiệp thành công trên thế giới nhờ hỗ trợ tốt nông dân tiêu thụ sản phẩm.

HTX nông nghiệp chủ động trong việc định hướng sản xuất cho các xã viên của mình tại các kỳ họp toàn thể, các thông tin thị trường của các xã viên, nhất là các xã viên liên kết hoặc từ các khách hàng của mình và định hướng của lãnh đạo HTX. Sự liên kết giữa các xã viên trong HTX nông nghiệp, giữa các HTX nông nghiệp với nhau và giữa HTX nông nghiệp với các tổ chức, doanh nghiệp liên quan trong xã hội là những yếu tố quan trọng tạo nên định hướng sản xuất của mỗi xã viên trong các HTX nhờ đó mà mỗi xã viên HTX đều biết mình sẽ bán sản phẩm ở đâu, bán như thế nào.

Chất lượng sản phẩm và vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất của các xã viên luôn được chú trọng và bảo đảm thông qua các dịch vụ hỗ trợ huấn luyện, dịch vụ khuyến nông, thông qua yêu cầu của người tiêu thụ và quy định của luật pháp. Ứng dụng hiệu quả hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm nhằm nâng cao tính tự giác, tự chịu trách nhiệm của mỗi xã viên



đối với sản phẩm của xã viên. Việc phục vụ nhu cầu cho một số đông xã viên phát huy lợi thế nhờ qui mô đã giúp HTX có thể phối hợp làm tốt tất cả các khâu từ vận chuyển, lựa chọn, đóng gói sản phẩm đến tiêu thụ, thanh toán sau bán hàng, phối hợp điều chỉnh cung, cầu để ổn định giá cả. Dịch vụ hỗ trợ này của HTX nông nghiệp khiến cho xã viên ngày càng yên tâm hơn trong việc sản xuất, cũng như tham gia vào HTX. Các HTX nông nghiệp ở Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc... còn tổ chức các hoạt động chế biến nông sản tại địa phương nhằm tạo sản phẩm mới với giá trị gia tăng cao hơn, qua đó nâng cao thu nhập của xã viên, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp và tô đậm giá trị văn hóa riêng của mỗi địa phương trong sản phẩm. Thành công của phong trào “mỗi làng một sản phẩm” ở Nhật Bản là do chú trọng đến đặc điểm riêng mỗi vùng. Các hoạt động tín dụng và thanh toán của HTX nông nghiệp vừa là một dịch vụ hỗ trợ cho xã viên, lại vừa là một công cụ đặc lực trong hoạt động của HTX.

*Thứ năm*, HTX là công cụ giúp người nghèo nâng cao vị thế kinh tế xã hội, là công cụ hữu hiệu trong tạo việc

làm, nâng cao thu nhập, xoá đói giảm nghèo, nâng cao vị thế kinh tế - xã hội của người nghèo, các nhóm yếu thế, là những tổ chức trách nhiệm xã hội, có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng, thúc đẩy bình đẳng giới, xoá bỏ các hình thức bóc lột, tăng cường hội nhập xã hội, góp phần phát triển, lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống. Do đó, kinh nghiệm thành công cho thấy HTX nông nghiệp chú trọng thực hiện các hoạt động xã hội ở nông thôn.

Các HTX nông nghiệp, đặc biệt là HTX ở Nhật Bản hay mô hình Kibbutz và Moshav ở Israel chú trọng thực hiện các hoạt động an sinh xã hội ở khu vực nông thôn như các dịch vụ bảo hiểm, phúc lợi xã hội, phúc lợi hưu trí, dịch vụ cưới hỏi, tang ma,... qua đó kết nối cộng đồng cư dân nông thôn với nhau trong các hoạt động kinh tế của khu vực nông thôn, làng xã. Chính điều này đã tạo ra các mô hình HTX nông nghiệp thành công trên thế giới, nhất là ở các nước đang phát triển, các nước trong khu vực Đông Á.

*Thứ sáu*, kinh nghiệm quốc tế cho thấy HTX chính là con đường thúc đẩy sản xuất ở nông nghiệp, nông thôn phát

triển, đây chính là con đường mà các hộ sản xuất, hộ nông dân, hộ tiểu chủ, những đối tượng chiếm số đông nhưng lại có tiềm lực yếu, năng lực cạnh tranh thấp, dễ bị tổn thương trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh.

*Thứ bảy*, Nhà nước hỗ trợ HTX nông nghiệp khởi nghiệp. Các quốc gia có mô hình HTX thành công đều coi kinh tế HTX là một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế và chú trọng hỗ trợ các HTX khởi nghiệp. Mô hình HTX khởi nghiệp thực hiện mỗi làng một sản phẩm đã phát huy hiệu quả tại các sâu, xa và nghèo, không thể thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, đặc biệt và từ những người đang làm việc trong các dự án để xóa đói giảm nghèo.

*Thứ tám*, kinh nghiệm quốc tế và bài học thành công về HTX trong nông nghiệp, nông thôn ở nhiều nước như đã nêu ở trên là chứng minh sinh động rằng HTX chính là con đường thúc đẩy sản xuất ở nông nghiệp, nông thôn phát triển, đây chính là con đường mà các hộ sản xuất, hộ nông dân, hộ tiểu chủ, những đối tượng chiếm số đông nhưng lại có tiềm lực yếu, năng lực cạnh tranh thấp, dễ bị tổn thương trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh.

Các yếu tố then chốt thúc đẩy HTX phát triển gồm: Lòng tin của các thành viên với HTX; kết nối đầu ra cho sản phẩm - dịch vụ của HTX; trình độ quản trị kinh doanh; khả năng tiếp cận với các nguồn lực hỗ trợ (vốn, đất đai, nhân lực, pháp lý); trình độ nguồn nhân lực và khả năng công nghệ trong HTX.

Từ kinh nghiệm phát triển HTX của các nước cho thấy, các HTX tại Việt Nam cần sáng tạo, đổi mới mô hình HTX hoạt động hiệu quả gắn với liên kết chuỗi giá trị, mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao, HTX có quy mô lớn có sức lan tỏa... triển khai sâu, rộng ở các địa phương; đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nhân rộng các mô hình HTX hoạt động hiệu quả; hình thành các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân, HTX và các doanh nghiệp nhằm tránh rủi ro trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện luật pháp và các cơ chế, chính sách của Nhà nước nhằm thúc đẩy KTTT, HTX,... ■  
*Nguồn (Theo b/c của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tại Hội thảo “Một số vấn đề lý luận - Thực tiễn về phát triển nông nghiệp ở Việt Nam trong bối cảnh mới”*

## HỘI THẢO

# “VAI TRÒ CỦA QUÂN ĐỘI TRONG ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY”

Sáng 17-5, Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng, Ban Chỉ đạo 35, Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức Hội thảo khoa học “Vai trò của quân đội trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình hiện nay”.

PGS, TS Phạm Văn Linh, Phó chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương; Trung tướng, PGS, TS Nguyễn Văn Bạo, Giám đốc học viện; Trung tướng Phạm Tiến Dũng, Chính ủy học viện; Đại tá, PGS, TS Lương Thanh Hân, Phó giám đốc học viện đồng chủ trì hội thảo.

Cùng tham dự hội nghị có đại biểu là lãnh đạo các cơ quan, đơn vị Bộ Quốc phòng; học viện, nhà trường,

các nhà khoa học trong và ngoài quân đội.

Phát biểu khai mạc hội thảo, PGS, TS Phạm Văn Linh khẳng định: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở lý luận trực tiếp cho mọi hoạt động của quân đội, đảm bảo cho công tác quân sự, quốc phòng, xây dựng quân đội, bảo vệ Tổ quốc luôn đi đúng hướng, sát yêu cầu nhiệm vụ... Hội thảo này tiếp tục chỉ ra những nội dung quan trọng về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thực tiễn và giải pháp phát huy vai trò của quân đội trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Từ đó, cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định chủ trương, giải pháp; quán triệt, vận dụng và tích hợp nội dung đấu tranh bảo vệ

nền tảng tư tưởng của Đảng vào thực hiện chức năng, nhiệm vụ của quân đội trên từng lĩnh vực công tác, nhất là trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở các nhà trường quân đội.

Thời gian qua, ban tổ chức đã nhận được hơn 100 bài tham luận của các đại biểu, trình bày các nội dung thống nhất như: Khẳng định đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một trong những nhiệm vụ cơ bản, trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị; Tập trung phân tích và khẳng định bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ, phát triển và vận dụng đúng đắn những giá trị của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; Khẳng định quân đội luôn là lực lượng đi đầu đấu tranh phản bác các

quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng...

Trên cơ sở này, các tham luận đều nhất quán khẳng định, để phát huy vai trò của quân đội trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, cần tập trung thực hiện tốt các vấn đề

**Thời gian qua, ban tổ chức đã nhận được hơn 100 bài tham luận của các đại biểu, trình bày các nội dung thống nhất như: Khẳng định đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là một trong những nhiệm vụ cơ bản, trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị.**

sau: Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng và của Quân ủy Trung ương về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao trình độ lý luận và bản lĩnh chính trị cho cán bộ, chiến sĩ; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng,

hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng, chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm... ■

**P.V.**